CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG
(LADOPHAR)

LADOPHAR
TINH HOA DƯỢC LIỆU

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

2026



Lâm Đồng, 05/5/2026

Our Website
www.ladophar.com/pages/quan-he-co-dong

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

1. Chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026---------- 2
2. Quy chế làm việc đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công Ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) ---------- 4
3. Tờ trình về việc giới thiệu đoàn chủ tọa, ban kiểm tra tư cách cổ đông, ban thư ký và đề cử ban kiểm phiếu----------10
4. Báo cáo năm 2025 và định hướng năm 2026 của hội đồng quản trị Công Ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) ----------11
5. Báo cáo năm 2026 của thành viên độc lập hội đồng quản trị công ty cp dược lâm đồng (Ladophar)----------25
6. Báo cáo của tổng giám đốc về kết quả đầu tư, kinh doanh năm 2025 và kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2026 Công Ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) ----------28
7. Báo cáo năm 2025 của ủy ban kiểm toán Công Ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) ------40
8. Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026----------44
9. Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 ----------45
10. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026----------46
11. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2026 ----------47
12. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 ----------48
13. Tờ trình về thù lao năm 2026 cho hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán và người phụ trách quản trị công ty (kiêm thư ký hội đồng quản trị) ----------49
14. Tờ trình về việc bổ sung ngành,nghề kinh doanh; sửa đổi và bổ sung điều lệ Công Ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) ----------51
15. Tờ trình v/v: báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025 ----------57
16. Tờ trình v/v: tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu------60
17. Dự thảo Phiếu biểu quyết tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ------68
18. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ----------70
20. Các tập tin đính kèm:
    1. Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025
    2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025
    3. Dự thảo Điều lệ sửa đổi.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian : Từ 14 giờ 00 phút ngày 05/5/2026 (Thứ Ba).

Địa điểm : Hội trường Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
(Số 18 Ngô Quyền, phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
14h00 - 14h30	- Đón tiếp đại biểu, khách mời và Cổ đông dự Đại hội.
	- Kiểm tra tư cách Cổ đông, cập nhật danh sách Cổ đông tham dự cùng với số cổ phần có quyền biểu quyết.
14h30 – 15h00	**I. Nghi thức Đại hội:**
	1. Tuyên bố lý do Đại hội và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	3. Thông qua Chương trình Đại hội.
	4. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.
	5. Thông qua Đoàn Chủ tọa và các Ban chuyên trách tại Đại hội.
15h00 – 15h30	**II. Đại hội nghe trình bày các nội dung**
	1. Báo cáo năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị.
	2. Báo cáo năm 2025 của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
	3. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2026.
	4. Báo cáo năm 2025 của Uỷ Ban Kiểm toán.
	5. Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026.
	6. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.
	7. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026.
	8. Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2026.
	9. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025.
	10. Tờ trình về thù lao năm 2026 cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT).
	11. Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty.
	12. Tờ trình về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025 và thông qua việc dừng Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
	13. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).
15h30 – 15h45	**III. Thảo luận**

THỜI GIAN	NỘI DUNG CHI TIẾT
15h45 – 16h00	**IV. Biểu quyết**
	1. Báo cáo (lần 2) kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	2. Hướng dẫn biểu quyết.
	3. Tiến hành biểu quyết thông qua nội dung trong Phiếu biểu quyết.
16h00 – 16h15	**Giải lao**
16h15 – 16h30	**V. Công bố kết quả biểu quyết.**
16h30 – 16h40	**VI. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.**
16h40 – 16h50	**VII. Bế mạc Đại hội.**

Ghi chú: Nội dung Chương trình có thể được điều chỉnh/cập nhật, Quý Cổ đông vui lòng theo dõi Tài liệu Đại hội được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại địa chỉ https://ladophar.com/quan-he-co-dong.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 01/QC-DHTN/2025 *Lâm Đồng, ngày 01 tháng 04 năm 2026*

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;*
- *Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, "Công ty").*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Đại hội) như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội của Công ty được diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- ***Đối tượng áp dụng:*** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu của Công ty và khách mời tham dự Đại hội của Công ty.
- ***Phạm vi áp dụng:*** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;
- Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện theo uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 4. Thành phần tham dự Đại hội

1. Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại **ngày đăng ký cuối cùng 07/04/2026** do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập đều có quyền trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự Đại hội. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán của Công ty.
3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các khách có liên quan được mời và các thành viên giữ chức danh quản lý của Công ty, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông:

- Được trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền (gọi tắt là cổ đông, đại diện cổ đông) đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, quy định của Ban Tổ chức (đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, đầy đủ giấy tờ tùy thân; v.v...) và theo yêu cầu của Chủ tọa điều hành Đại hội;
- Cổ đông/đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;
- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo Thư mời họp, CMND/Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự Đại hội) để làm thủ tục đăng ký tham dự với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được Ban gởi lại:
  - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

- Một (01) Phiếu biểu quyết về những vấn đề cần thông qua.
- Một (01) Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

Điều 6. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa bao gồm 01 (một) Chủ tọa và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2, Điều 19, Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
   - Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa để Đại hội biểu quyết;
   - Giới thiệu thành phần các Ban chuyên trách để Đại hội biểu quyết;
   - Điều khiển Đại hội theo chương trình và Quy chế làm việc dự kiến của HĐQT đã được Đại hội thông qua;
   - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy Ban Kiểm toán, thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội:
   - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội;
   - Chủ trì việc bầu cử: Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị; giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu; giải quyết khiếu nại về bầu cử,..;
   - Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
   - Giải quyết khiếu nại (nếu có) và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;
   - Quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;
   - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
   - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên (nếu thấy cần thiết), do Hội đồng quản trị thành lập vào do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
   - Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ các giấy tờ của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội;
   - Gởi tài liệu Đại hội và Phiếu biểu quyết cho cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
   - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội đồng cổ đông chính thức tiến hành và trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và 01 (một) thành viên do Chủ tọa cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
   - Ghi chép và lập Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu trong Đại hội;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội bao gồm 01 (một) Trưởng Ban và các thành viên, do Chủ tọa đề nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết và bầu cử;
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết và bầu cử của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông;
- Tổ chức kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của các cổ đông hoặc đại diện cổ đông và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội và kết quả bầu cử;
- Lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và Biên bản kiểm phiếu bầu cử;
- Báo cáo Đại hội kết quả kiểm phiếu các nội dung đã biểu quyết, kết quả kiểm phiếu bầu cử và chuyển kết quả cho Thư ký Đại hội;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có).

3. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và/hoặc theo sự điều hành của Chủ tọa, đồng thời thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
2. Chỉ có cổ đông và đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông trước khi tham dự Đại hội hoặc tại Đại hội nếu muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký trước nội dung phát biểu với Ban Tổ chức Đại hội và phải được sự chấp thuận của Chủ tọa.
- Cổ đông phát biểu ngắn gọn (mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút) và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

3. Giải đáp ý kiến của cổ đông hoặc đại diện cổ đông;

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông và đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông và đại diện cổ đông;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (e-mail).

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
2. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại

biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

3. Cách thức biểu quyết: Lựa một trong ba phương án biểu quyết: Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội.
4. Thể lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với 01 (một) quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết;
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 07/04/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 18.728.167 cổ phần tương đương với 18.728.135 quyền biểu quyết (số quyền biểu quyết thấp hơn số cổ phần do có 32 cổ phiếu quỹ của Công ty).
- Cổ đông, đại diện cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

5. Hình thức biểu quyết: Tại Đại hội có 02 (hai) hình thức biểu quyết, cụ thể như sau:

- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: đối với các nội dung được liệt kê trong Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ đính kèm trong bộ tài liệu gởi cho cổ đông khi tham dự Đại hội.
- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: đối với tất cả các nội dung khác trong chương trình cần thông qua biểu quyết của cổ đông tại Đại hội.

6. Cách thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện cổ đông.

7. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
  - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

8. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
9. Ghi nhận kết quả biểu quyết: Kết quả biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu ghi nhận, báo cáo Đoàn Chủ tọa và công bố trước Đại hội.

Điều 12. Thông qua các quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này được trình cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành ngay khi ĐHĐCĐ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) kết thúc./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 02/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban thư ký và đề cử Ban kiểm phiếu

---

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp* Đại hội đồng cổ đông thường *thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp* Đại hội đồng cổ đông thường *thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.*

Ban Tổ chức xin trân trọng giới thiệu với Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thành phần Đoàn Chủ tọa bao gồm:

1. Ông Phạm Trung Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị : Chủ tọa.
2. Ông Lê Tiến Thịnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc : Thành viên.

(Theo Điều lệ Công ty thì Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa trong cuộc họp ĐHĐCĐ)

Chủ tọa trân trọng giới thiệu thành phần Ban Kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm:

1. Ông Ngọ Văn Trị : Trưởng ban.
2. Bà Trương Thị Ngọc Hiền : Thành viên.
3. Bà Đỗ Thị Hồng Nhung : Thành viên.

và thành phần Ban Thư ký bao gồm:

1. Bà Phạm Thị Huyền Trang : Trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Hồng Ngọc : Thành viên.

Chủ tọa đề cử kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt thành phần Ban Kiểm phiếu bao gồm:

1. Bà Trương Thị Phụng Vy : Trưởng ban.
2. Bà Trần Thị Hiền : Thành viên.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Chủ toạ, các Ban chuyên trách và Thư ký theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc tại Đại hội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 03/BC-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

BÁO CÁO NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường *thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp* Đại hội đồng cổ đông thường *thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*

PHẦN 1: BÁO CÁO NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình năm 2025

Năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp với các yếu tố bất ổn địa chính trị, biến động giá cả hàng hóa và ảnh hưởng từ thiên tai, nhưng kinh tế toàn cầu vẫn duy trì đà phục hồi. Tại Việt Nam, nền kinh tế đạt tăng trưởng ấn tượng, với GDP ước đạt **8,02%**, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới, quy mô nền kinh tế vượt mốc **514 tỷ USD** (tương đương 12.847,6 nghìn tỷ đồng), GDP bình quân đầu người đạt khoảng **5.026 USD**. Đây là mức tăng trưởng cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025, chỉ thấp hơn năm 2022, khẳng định vị thế của Việt Nam trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định vĩ mô.

Riêng tại tỉnh Lâm Đồng, kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, với GRDP ước đạt **6,42%**, GRDP bình quân đầu người đạt hơn **105 triệu đồng**, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của khu vực Tây Nguyên.

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và của tỉnh Lâm Đồng nói riêng, năm 2025 Công ty đạt giá trị doanh thu thuần là **243,9 tỷ đồng**, tăng **12%** so với năm 2024 (tương ứng mức tăng 26 tỷ đồng), chủ yếu nhờ tăng mạnh trong doanh thu hàng sản xuất **23%** (tương đương mức tăng 30,2 tỷ đồng), trong khi doanh thu hàng thương mại giảm nhẹ 5%. Mặc dù chỉ đạt **69%** kế hoạch doanh thu đề ra, Công ty đã ghi nhận lợi nhuận trước thuế **28,7 tỷ đồng** (tăng **315%** so với năm 2024), khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ và hiệu quả kinh doanh cốt lõi.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2.1 Về hoạt động kinh doanh

Năm 2025, Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành đã giám sát chặt chẽ, định hướng kịp thời các hoạt động kinh doanh, đảm bảo tuân thủ kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua. Nhờ nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty đã đạt kết quả kinh doanh vượt bậc, chuyển từ lỗ lũy kế sang lãi đáng kể, với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính (sau loại trừ các khoản bất thường) đạt 16,364 tỷ đồng (tăng 21% so với năm trước).

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% TH/KH năm 2025
Doanh thu thuần hợp nhất	217.958.000.000	243.906.000.000	354.932.000.000	69%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	6.919.000.000	28.700.000.000	7.000.000.000	410%

(Số liệu thực hiện năm 2025 dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán)

2.2 Về hoạt động sản xuất

Công ty tiếp tục chú trọng chất lượng nguyên liệu đầu vào, duy trì và mở rộng vùng trồng Actiso, dược liệu đạt chuẩn GACP, đồng thời đầu tư nâng cấp nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO, HACCP và Halal. Năm 2025, Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị hiện đại (máy ép trục vít, nồi cô cao, hệ thống lọc nước siêu sạch…), cải tạo nhà xưởng, đồng thời ra mắt và đẩy mạnh các sản phẩm cao cấp như LADODETOX, LADO REVIVE, LADO WINE và các dòng trà Actiso và cao ống. Doanh thu hàng sản xuất tăng mạnh nhờ kênh chuỗi siêu thị, ngoại tỉnh và xuất khẩu, góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp lên 33%.

2.3 Về trách nhiệm môi trường và xã hội

HĐQT luôn định hướng phát triển bền vững, gắn kết sản xuất xanh, thân thiện với môi trường, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo vệ môi trường. Công ty duy trì vùng nguyên liệu sạch, áp dụng công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng.

Về trách nhiệm xã hội, Công ty tiếp tục hỗ trợ cộng đồng qua các chương trình từ thiện, hỗ trợ đồng bào vùng khó khăn, đặc biệt trong các đợt thiên tai, và phối hợp Công đoàn trao quà cho người lao động có hoàn cảnh đặc biệt vào các dịp lễ Tết.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2025, HĐQT đã giám sát sát sao, kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc (TGĐ), thông qua các cuộc họp định kỳ/đột xuất (trực tiếp, trực tuyến, thư điện tử) để thảo luận tình hình thực hiện kế hoạch, tiến độ Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết làm cơ sở triển khai cho Ban TGĐ.

Cụ thể, HĐQT giám sát chặt chẽ:

a. Hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh, đầu tư và quản lý tài chính:

- Giám sát Ban TGĐ thực hiện kế hoạch kinh doanh, định hướng phù hợp hội nhập và chuyển đổi số;
- Chỉ đạo áp dụng công nghệ tiên tiến, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu suất sản xuất, tuân thủ nghiêm ngặt GMP-WHO, GPs và các tiêu chuẩn chất lượng từ nguyên liệu đến thành phẩm;
- Định hướng mở rộng thị trường trong nước (kênh chuỗi, ngoại tỉnh) và quốc tế (xuất khẩu Mông Cổ, Đài Loan, Hàn Quốc…), đẩy mạnh Marketing, nâng cao nhận diện thương hiệu Ladophar.

b. Các hoạt động khác:

- Giám sát tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2025 thành công;
- Rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự, miễn/bổ nhiệm chức danh quản lý;
- Theo sát kiểm soát nội bộ, đào tạo nhân lực, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp;
- Đảm bảo chính sách lương, phúc lợi, BHXH, VSATLA, PCCC; bảo vệ môi trường;
- Ban hành và thực hiện quy chế Công bố Thông tin theo quy định thị trường chứng khoán.

Với kết quả doanh thu tăng trưởng và lợi nhuận vượt bậc, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban TGĐ: hoạt động phù hợp pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết

ĐHĐCĐ/HĐQT; quản lý tài chính hiệu quả, sử dụng vốn hợp lý trong sản xuất kinh doanh và đầu tư.

4. Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

4.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT trong năm 2025 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày bãi/miễn nhiệm
1	Phạm Trung Kiên	TV.HĐQT không điều hành	14/01/2022	06/05/2022
		Chủ tịch HĐQT	19/04/2022	06/05/2022
		TV.HĐQT không điều hành	19/08/2022	30/11/2022
		Chủ tịch HĐQT	01/12/2022	20/12/2023
		Chủ tịch HĐQT (kiêm Người đại diện theo Pháp luật, Người đại diện 100% phần vốn của CTCP Louis Holdings tại LDP từ ngày 19/01/2024)	20/12/2023 (tái bổ nhiệm)	
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT không điều hành	21/03/2023	20/12/2023
		TV.HĐQT (kiêm Tổng giám đốc, Người đại diện theo Pháp luật và Người được ủy quyền Công bố thông tin)	20/12/2023 (tái bổ nhiệm)	
3	Lê Xuân Thanh	TV. độc lập HĐQT	20/12/2023	
4	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT không điều hành	10/04/2024	
5	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT không điều hành	10/04/2024	

4.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty đã thành lập Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT và bổ nhiệm Chủ tịch UBKT (TV HĐQT độc lập) cũng như bổ nhiệm thành viên UBKT (đồng thời là TV HĐQT không điều hành. Các hoạt động của UBKT trong kỳ (từ ngày 24/04/2025 đến ngày 31/12/2025) gồm có:

- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
- Thẩm tra tính trung thực của các Báo cáo tài chính;
- Rà soát giao dịch với Người có liên quan và Người nội bộ;
- Đánh giá hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ và đề xuất phương án hành động.

- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện các Nghị quyết đã được phê duyệt của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cấp quản lý.

4.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT có tổ chức 23 cuộc họp HĐQT, tỷ lệ tham gia của các thành viên HĐQT như sau:

Stt	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Trung Kiên	23/23	100%	
2	Lê Tiến Thịnh	22/23 Trong đó có 1/23 buổi họp ủy quyền cho Bà Trần Thị Thủy dự họp)	96%	Đi công tác nước ngoài
3	Lê Xuân Thanh	23/23	100%	
4	Đặng Thùy Linh	23/23	100%	
5	Nguyễn Thị Hồng Giang	23/23	100%	

b. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 25 Nghị quyết/Quyết định, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Phê duyệt phân công công việc của Chủ tịch HĐQT chuyên trách.	100%
2.	02/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Cát Tiên và chuyển giao cho Chi nhánh Bảo Lộc Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	100%
3.	03/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025	100%
4.	04/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100%
5.	05/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của HĐQT giữa Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) và Công ty CP APG ECO trong năm 2025.	100%
6.	06/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt.	100%
7.	07/NQ-HĐQT/2025	26/02/2025	Chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu.	100%
8.	08/NQ-HĐQT/LDP/2025	17/03/2025	Triển khai tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9.	09/NQ-HĐQT/LDP/2025	17/03/2025	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
10.	10/NQ-HĐQT/LDP/2025	17/03/2025	Tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP).	100%
11.	11/NQ-HĐQT/LDP/2025	17/03/2025	Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế và các nội dung liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).	100%
12.	12/NQ-HĐQT/LDP/2025	28/03/2025	Thông qua việc khắc thêm con dấu mới và phân công sử dụng, quản lý con dấu tên Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	100%
13.	13/NQ-HĐQT/LDP/2025	28/03/2025	Thông qua thời gian họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ Thường niên năm 2025.	100%
14.	14/NQ-HĐQT/LDP/2025	18/04/2025	Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 17/03/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT/2025 ngày 17/03/2025 của HĐQT.	100%
15.	15/NQ-HĐQT/LDP/2025	05/05/2025	Thông qua quy chế hoạt động và bổ nhiệm nhân sự của Ủy ban kiểm toán.	100%
16.	16/NQ-HĐQT/LDP/2025	05/05/2025	Thông qua mức khen thưởng năm 2024 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị).	100%
17.	17/NQ-HĐQT/LDP/2025	05/05/2025	Thông qua Phương án nhu cầu vốn vay năm 2025-2026 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang.	100%
18.	18/NQ-HĐQT/LDP/2025	09/05/2025	Thông qua và triển khai chi tiết dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO2 siêu tới hạn theo chủ trương đầu tư đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
19.	19/NQ-HĐQT/LDP/2025	09/05/2025	Triển khai PA tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
20.	20/NQ-HĐQT/LDP/2025	09/05/2025	Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	100%
21.	21/NQ-HĐQT/LDP/2025	09/05/2025	Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
22.	23/NQ-HĐQT/LDP/2025	15/05/2025	Thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu ESOP.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
23.	24/NQ-HĐQT/LDP/2025	15/05/2025	Thay đổi tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu riêng lẻ.	100%
24.	25/NQ-HĐQT/LDP/2025	20/05/2025	Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025.	100%
25.	25/NQ-HĐQT/LDP/2025	13/06/2025	Thông qua Gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phiếu và phương án xử lý số lượng cổ phiếu còn lại không phân phối hết của đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (ESOP).	100%
26.	26/NQ-HĐQT/LDP/2025	20/06/2025	Sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT/LDP/2025 và Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT/2025 ngày 09/05/2025 của Hội đồng quản trị.	100%
27.	27/NQ-HĐQT/LDP/2025	23/06/2025	Thông qua kết quả đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động ESOP.	100%
28.	28A/NQ-HĐQT/LDP/2025	23/06/2025	Phân công công việc của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và Tổng Giám đốc.	100%
29.	29/NQ-HĐQT/LDP/2025	23/06/2025	Giao người thực hiện Công bố thông tin	100%
30.	28/NQ-HĐQT/LDP/2025	01/07/2025	Sửa đổi Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/LDP/2025 về việc thông qua phê duyệt Phương án nhu cầu vốn năm 2025-2026 tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc An Giang.	100%
31.	30/NQ-HĐQT/LDP/2025	21/07/2025	Thông qua Báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu từ 1/1/2025 đến 30/6/2025.	100%
32.	32/NQ-HĐQT/LDP/2025	12/08/2025	Tái cấu trúc Ban kiểm toán nội bộ và Bổ nhiệm Người phụ trách Kiểm toán nội bộ.	100%
33.	31/NQ-HĐQT/LDP/2025	22/08/2025	Triển khai Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.	100%
34.	33/NQ-HĐQT/LDP/2025	22/08/2025	Sửa đổi Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).	100%
35.	34/NQ-HĐQT/LDP/2025	22/08/2025	Thông qua Báo cáo tài chính Bán niên năm 2025.	100%
36.	35/NQ-HĐQT/LDP/2025	15/09/2025	Thay đổi thời gian nộp tiền mua cổ phiếu riêng lẻ tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 22/08/2025 của Hội đồng quản trị.	100%
37.	36/NQ-HĐQT/LDP/2025	07/10/2025	Phê duyệt triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
38.	38/NQ-HĐQT/LDP/2025	27/10/2025	Thông qua kết quả đợt Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.	100%
39.	39/NQ-HĐQT/LDP/2025	03/11/2025	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và thông qua công văn giải trình cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.	100%
40.	40/NQ-HĐQT/LDP/2025	17/11/2025	Thay đổi mẫu dấu Công ty và các Chi nhánh.	100%
41.	41/NQ-HĐQT/LDP/2025	18/11/2025	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.	100%
42.	42/NQ-HĐQT/LDP/2025	30/12/2025	Thông qua việc thanh lý MMTB và dự thảo hợp đồng chuyển nhượng.	100%

c. Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2025:

Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 24/04/2025 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 vào ngày 10/12/2025, các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên năm 2025	24/04/2025	**Điều 1: Thông qua các báo cáo:** 1. Báo cáo năm 2024 và định hướng năm 2025 của Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo năm 2024 của thành viên độc lập Hội đồng quản trị. 3. Báo cáo về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2024 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2025 của Tổng Giám đốc. 4. Báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát. 5. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán. **Điều 2:** Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025. **Điều 3:** Thông qua Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025. **Điều 4:** Thông qua hạn mức vay vốn năm 2025 của Công ty. **Điều 5:** Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2024. **Điều 6:** Thông qua việc khen thưởng năm 2024 cho các

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01			thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị). **Điều 7:** Thông qua mức thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị). **Điều 8:** Thông qua Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty. **Điều 9:** Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt. **Điều 10:** Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu. **Điều 11:** Thông qua Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO_2 siêu tới hạn. **Điều 12:** Thông qua Tờ trình báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu. **Điều 13:** Thông qua việc hủy bỏ phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. **Điều 14:** Thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. **Điều 15:** Điều khoản thi hành.
02	02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại kỳ họp bất thường năm 2025	10/12/2025	**Điều 1:** Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. **Điều 2:** Thông qua Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế. **Điều 3:** Thông qua Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025. **Điều 4:** Thông qua Tờ trình về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn. **Điều 5:** Thông qua Tờ trình về việc thông qua phương án

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. **Điều 6:** Thông qua Tờ trình về việc bổ sung danh sách Công ty kiểm toán. **Điều 7:** Điều khoản thi hành.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, UBKT

5.1 Lương, thưởng, thù lao HĐQT, BKS, UBKT, Ban TGĐ và Thư ký

Trong năm 2025, các khoản lương, thưởng, thù lao của thành viên HĐQT, BKS, UBKT và Ban TGĐ thực nhận như sau:

Đvt: đồng

Stt	Thành viên	Chức danh	Lương	Thù lao	TN khác
I	**Hội đồng quản trị**		**981.785.714**	**660.000.000**	**692.017.057**
1	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	981.785.714	180.000.000	277.049.057
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT		120.000.000	100.000.000
3	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT	-	120.000.000	100.000.000
4	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT	-	120.000.000	105.613.000
5	Lê Xuân Thanh	TV.HĐQT độc lập	-	120.000.000	109.355.000
II	**Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ 24/4/2025)**		-	**202.800.000**	-
1	Đào Thị Nga	Trưởng BKS	-	78.900.000	-
2	Võ Kim Nguyên	Thành viên BKS	-	61.950.000	-
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên BKS	-	61.950.000	-
II	**UỶ Ban kiểm toán**		-	**67.645.000**	-
1	Lê Xuân Thanh	Chủ tịch UBKT	-	44,032,000	-
2	Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên UBKT	-	23,613,000	-
III	**Ban TGĐ**		**2.887.343.247**	-	-
1	Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.990.367.691	-	-
2	Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc thường trực	896.975.556	-	-
IV	**Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký HĐQT**			**60.000.000**	-
1	Phạm Thị Huyền Trang			60.000.000	-
	Cộng		**3.869.128.961**	**990.445.000**	**692.017.057**

5.2 Các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần

nhất trước thời điểm giao dịch

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

5.3 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không có.*

5.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn duy trì việc cập nhật và tuân thủ các quy định pháp luật, quy định về quản trị Công ty và các quy chế quản trị Công ty.

PHẦN II. ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

1. Dự báo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026:

Theo các báo cáo cập nhật từ Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), kinh tế toàn cầu dự kiến duy trì tăng trưởng ổn định ở mức khoảng 2,6-3,3% trong năm 2026, với lạm phát hạ nhiệt và các yếu tố như đầu tư vào trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phục hồi, dù vẫn đối mặt với bất ổn từ căng thẳng thương mại và địa chính trị. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo ở mức 3,3% theo IMF, phản ánh sức chống chịu tốt hơn dự kiến.

Riêng về Việt Nam, các định chế tài chính quốc tế và trong nước đưa ra triển vọng tích cực, với tăng trưởng GDP dự kiến đạt 7-10% hoặc cao hơn (kịch bản cơ sở 9-9,5%, kịch bản tích cực khoảng 10%), nhờ nền tảng phục hồi từ năm 2025, đầu tư công mạnh mẽ, dòng vốn FDI, xuất khẩu và cải cách thể chế. Việt Nam được đánh giá bước vào chu kỳ tăng trưởng mới bền vững hơn, với mục tiêu cao từ Chính phủ và Quốc hội.

Nói riêng về ngành Dược, triển vọng năm 2026 tiếp tục sáng sủa và bền vững hơn sau năm 2025 tích cực. Thị trường dược phẩm Việt Nam dự kiến đạt quy mô khoảng 8-10 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng bình quân 6-8% hoặc cao hơn (CAGR dài hạn 8-13% tùy nguồn), xếp hạng cao trong khu vực châu Á (thứ hai sau Ấn Độ). Các yếu tố hỗ trợ bao gồm dân số già hóa, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng, chính sách thuận lợi, hội nhập quốc tế, hợp tác nội-ngoại địa, và phục hồi kênh ETC/OTC. Các doanh nghiệp dược nội địa được kỳ vọng hưởng lợi từ xu hướng phát triển bền vững, mở rộng sản xuất, và tăng thị phần nội địa.

2. Định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2026:

Từ những dự báo nêu trên, định hướng trong năm 2026 của HĐQT như sau:

a. Về hoạt động kinh doanh:

- Đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, tập trung khai thác tối đa tiềm năng thị trường hiện có và mở rộng thị trường ngách, ngoại tỉnh (Miền Tây, Miền Trung, Tây Nguyên) thông qua nhà phân phối tiềm lực, đưa hàng vào kênh tiêu dùng, tạp hóa; training, giám sát, hỗ trợ Sales đại lý để giới thiệu, tư vấn sản phẩm hiệu quả.
- Tập trung mạnh vào nhóm hàng sản xuất (đặc biệt nhóm nước, TPCN cao cấp, trà cao cấp) để mang lại lợi nhuận gộp cao; đẩy mạnh kênh chuỗi nhà thuốc, chuỗi thực phẩm chức năng cao cấp, kênh siêu thị, và kênh ngoại tỉnh của chi nhánh Đà Lạt.
- Tăng cường kênh ETC nhóm hàng sản xuất bằng cách đẩy mạnh chào thầu, gia tăng số đăng ký thuốc/sản phẩm mới, tập trung danh mục nhóm 1 để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng lợi nhuận.
- Phát triển kênh sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, Tiktok Shop,…), liên kết đối tác mạnh, KOL/KOC để tăng nhận diện thương hiệu và độ phủ.
- Đẩy mạnh xuất khẩu, liên hệ đối tác cũ (Mông Cổ, Đài Loan,…), khai thác thị trường mới qua liên kết du lịch, tận dụng chứng nhận sẵn có để mở rộng thị trường khó tính.
- Đồng bộ nhận diện thương hiệu tại điểm bán lẻ, showroom; đánh giá hiệu quả để cải thiện hoặc tối ưu định phí; phát triển dịch vụ bán hàng gắn với du lịch (tour tham quan nhà máy, vườn nguyên liệu, trải nghiệm sản phẩm).

- Tận dụng công suất sản xuất để đẩy mạnh gia công, xuất khẩu; thành lập team gia công & xuất khẩu, xây dựng Sales Kit giới thiệu dây chuyền GMP, vùng nguyên liệu GACP/Organic..

b. Về hoạt động sản xuất:

- Đầu tư phát triển vùng trồng dược liệu sạch (actiso tại Xuân Thọ, Lâm Hà; tái khởi động Diệp hạ châu nhóm 1); nghiên cứu trồng dược liệu đạt chuẩn quốc tế để xuất khẩu sang Châu Âu, Châu Mỹ, Hàn Quốc.
- Đầu tư mới/cải tiến máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất để tăng năng suất, tối ưu chi phí; nâng cấp thiết bị kiểm tra chất lượng, hệ thống PCCC.
- Đặc biệt triển khai dự án phân xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn với tổng vốn 157,5 tỷ đồng, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và doanh thu dự kiến cao.
- Cải tiến quy trình, chất lượng sản phẩm; rà soát thiết bị cũ để giảm chi phí, tăng năng suất; tận dụng công suất sẵn có cho gia công đối tác..

c. Về hoạt động quản lý, vận hành:

- Thu hồi nợ phải thu, quản lý chặt chẽ nợ khó đòi; sử dụng chi phí hợp lý, tiết kiệm trong quản lý, vận hành, sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng, triển khai chính sách KPI tạo động lực cho Sales và các bộ phận; ban hành quy chế tổ chức, phân quyền, hệ thống văn bản quy định để vận hành linh hoạt, hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo nội bộ, thuê chuyên gia nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho CBNV.
- Đầu tư nhận diện thương hiệu (cải tạo showroom, vườn Xuân Thọ thành điểm du lịch, đề án công nghệ sinh học dược liệu); trang bị tài sản, tuyển dụng phù hợp phục vụ mục tiêu tăng trưởng.

Với dự báo tình hình kinh tế và định hướng cho năm 2026 như trên, Công ty đặt mục tiêu về các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

- Doanh thu hợp nhất: 323.613.000.000 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 10.019.000.000 đồng.

Trên đây là báo cáo năm 2025 và định hướng năm 2026 của HĐQT Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM TRUNG KIÊN

Phụ lục

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HĐQT LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN BA (03) NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

(Đính kèm theo Báo cáo năm 2025 và Định hướng năm 2026 số 03/BC-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công.)

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
I	**Tổ chức**							
1	CTCP APG Eco	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	2802929978 23/03/2021 Sở KH&ĐT Thanh Hóa	Lô 1a, Khoảnh 1+4, Tiểu khu 290, Thôn Bái Tôm, Xã Điền Quang, Thanh Hoá	Từ 26/02/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 7.397.587.917 VNĐ (sau VAT)	Bán hàng hóa thông thường.
2	Công ty Cổ phần thương mại quốc tế DK PCF	Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	0109760055 01/10/2021 Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Số 23 B2 3 Khu Đầm Trấu, P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT/2024 ngày 12/12/2024 (*)	Mua hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 4.850.950.000 VNĐ (sau VAT)	Mua hàng hóa thông thường.

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	CTCP Chứng khoán APG	Cổ đông lớn; Tổ chức có liên quan của Người nội bộ	63/UBCK-GP 15/11/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tầng 5 - Tòa nhà Grand Building - 32 Hòa Mã – P. Bạch Mai - Hà Nội.	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT/2024 ngày 12/12/2024 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 349.966 VNĐ (sau VAT)	Theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 0705-1/2024/HĐTV/LDP-APG ngày 07/05/2024; và Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) số 0705-2/2024/HĐTV/LDP-APG ngày 07/05/2024.
II	**Cá nhân**							
1	Phạm Trung Kiên	Người nội bộ (Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo Pháp luật, Người đại diện 100% phần vốn của Công ty mẹ LHs)			Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT/2024 ngày 12/12/2024 (*)	Bán hàng hóa thông thường. Tổng giá trị giao dịch là: 16.870.537 VNĐ (sau VAT)	Bán hàng hóa thông thường.

(*) Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT/2024 ngày 12/12/2024 về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các bên có liên quan trong năm 2025 và Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT/2025 ngày 26/02/2025: Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) trong năm 2025 (từ ngày 26/02/2025 đến ngày 31/12/2025).

Số: 04/BC-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

BÁO CÁO NĂM 2026
CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo quy định tại Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) và các quy định pháp luật liên quan, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về két quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm qua như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) độc lập của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) là 01 (một) trong số 05 (năm) thành viên HĐQT.
- Trong năm 2025, Ông Lê Xuân Thanh vẫn giữ vị trí thành viên HĐQT độc lập với trách nhiệm giám sát, phản biện và đảm bảo minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ công ty.
- Thành viên HĐQT độc lập tiến hành giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, sổ sách kế toán, các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán nội bộ, giám sát quá trình khắc phục kiến nghị và kiểm tra một số tài liệu liên quan.

2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các nội dung hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong năm 2025 bao gồm:

- Tham gia đầy đủ các kỳ họp HĐQT, chủ động đóng góp ý kiến mang tính xây dựng và phản biện sâu sắc, đặc biệt về các vấn đề chiến lược, đầu tư và quản lý tài chính.
- Theo dõi sát sao hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo các quyết định phù hợp với định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và tuân thủ quy định pháp luật.
- Xem xét, đánh giá tính chính xác, đầy đủ và minh bạch của các báo cáo tài chính, báo cáo kinh doanh, báo cáo quản trị nội bộ, cũng như các giao dịch quan trọng và kế hoạch đầu tư.
- Giám sát tiến trình hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ, quy trình vận hành, chính sách KPI và các biện pháp kiểm soát rủi ro đang được triển khai..

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

1. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành và tính trung thực của HĐQT, Ban TGĐ

- Cơ cấu HĐQT đảm bảo tính hợp pháp, phù hợp với quy định quản trị công ty đại chúng và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đã tổ chức họp đúng quy định, ban hành nghị quyết kịp thời, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch trong bối cảnh thị trường dược phẩm có nhiều biến động. Tất cả thành viên đều tham dự đầy đủ các cuộc họp.
- Các nghị quyết tập trung vào việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh, điều chỉnh chiến lược kênh phân phối, quản lý vốn lưu động và chuẩn bị cho các dự án đầu tư trọng điểm.
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính

liên tục và hiệu quả điều hành.

2. Đánh giá hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty

Nhận xét, đánh giá tình hình kinh doanh, tài chính năm 2025:

- Doanh thu thuần đạt 243,9 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2024 (tăng 26 tỷ đồng), chủ yếu nhờ tăng trưởng mạnh mẽ của mảng hàng sản xuất (tăng 23%, đóng góp thêm 30,2 tỷ đồng), trong khi mảng thương mại giảm nhẹ 5%. Mặc dù chỉ đạt 69% kế hoạch đề ra, đây vẫn là mức tăng trưởng đáng ghi nhận trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 28,7 tỷ đồng, tăng ấn tượng 315% so với năm trước, nhờ cải thiện lợi nhuận gộp (tăng từ 64,4 tỷ lên 81,2 tỷ đồng), thu nhập khác đáng kể từ thanh lý tài sản và hỗ trợ dự án, đồng thời giảm lỗ từ hoạt động sản xuất và đầu tư.
- Tổng tài sản tăng mạnh 49% lên 309 tỷ đồng, chủ yếu do tăng khoản phải thu (tăng 127%, +91,9 tỷ đồng) và hàng tồn kho (tăng 13%). Cơ cấu tài sản chuyển dịch tích cực hơn về phía tài sản lưu động phục vụ kinh doanh.
- Nợ phải trả tăng 8% lên 117,4 tỷ đồng, chủ yếu từ phải trả nhà cung cấp và vay ngắn hạn, nhưng tỷ trọng nợ/vốn chủ sở hữu giảm đáng kể nhờ tăng vốn điều lệ và lợi nhuận giữ lại.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, tình hình tài chính năm 2024:

- Hệ thống kế toán được tổ chức và vận hành đúng quy định, phản ánh trung thực, kịp thời các giao dịch kinh tế phát sinh.
- Thành viên HĐQT độc lập xác nhận Báo cáo tài chính năm 2025 (riêng lẻ và hợp nhất) đã trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan.
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập với ý kiến chấp nhận toàn phần (dự kiến theo thông lệ kiểm toán).

3. Đánh giá sự phối hợp giữa thành viên HĐQT độc lập với HĐQT, Ban TGĐ

HĐQT, Ban TGĐ cũng như các cán bộ quản lý của Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin, hồ sơ phục vụ công việc giám sát của thành viên HĐQT độc lập.

4. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro

- Hệ thống kiểm toán nội bộ hoạt động ổn định theo Quy chế đã ban hành.
- Công ty đã có những bước tiến trong việc hoàn thiện quy trình nội bộ, phân quyền và áp dụng KPI. Tuy nhiên, hệ thống quản lý rủi ro toàn diện vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và cần được hoàn thiện sớm hơn để đối phó với các rủi ro tài chính, đầu tư lớn và biến động thị trường

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Tiếp tục tăng cường vai trò giám sát độc lập và phản biện mang tính xây dựng, đặc biệt trong giai đoạn Công ty thực hiện kế hoạch tăng trưởng mạnh (doanh thu mục tiêu 323,6 tỷ đồng) và triển khai dự án đầu tư lớn.
- Tập trung đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, quản lý chi phí (dự kiến tăng 42%), tiến độ thu hồi công nợ và hiệu quả của các khoản đầu tư chiến lược.
- Giám sát chặt chẽ việc triển khai dự án phân xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn (157,5 tỷ đồng), đảm bảo tuân thủ tiến độ, ngân sách và đạt mục tiêu hoàn vốn như dự kiến.
- Theo dõi việc hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, phân quyền, KPI và các quy trình nội bộ mới.
- Tham gia thẩm định các báo cáo tài chính, kinh doanh định kỳ và các giao dịch lớn để đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi cổ đông.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Ban Tổng Giám đốc cần đẩy nhanh việc triển khai các kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đặc biệt là các biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động và tối ưu hóa cơ cấu vốn trong bối cảnh tăng vay và đầu tư lớn.
- Tăng cường tần suất trao đổi, họp làm việc giữa thành viên HĐQT độc lập với Ban điều hành để kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao chất lượng phản biện.
- Đẩy nhanh việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý rủi ro toàn diện, bao gồm rủi ro tài chính, rủi ro dự án đầu tư, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động, nhằm bảo vệ giá trị dài hạn cho cổ đông.
- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu (đang chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản), đẩy mạnh thu hồi nợ và giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi.
- Đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ đầy đủ trong quá trình triển khai các dự án đầu tư lớn, đặc biệt là dự án CO2 siêu tới hạn, để đạt được hiệu quả kinh tế - tài chính như kỳ vọng.
- Tiếp tục hoàn thiện và áp dụng đồng bộ chính sách KPI, quy chế phân quyền và hệ thống văn bản nội bộ, kết hợp với chương trình đào tạo nhân sự nhằm nâng cao năng lực đội ngũ Sales, sản xuất và quản lý. Đồng thời, cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả từng điểm bán lẻ, showroom để tối ưu hóa định phí hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh mở rộng thị trường ngoại tỉnh và kênh thương mại điện tử.
- Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ và minh bạch trong tất cả các hoạt động đầu tư tài sản cố định, sửa chữa lớn và mua sắm máy móc (kế hoạch 2026 khoảng 251,5 tỷ đồng), đảm bảo mọi khoản chi đều có báo cáo đánh giá lợi ích kinh tế rõ ràng, tránh lãng phí và tuân thủ đầy đủ các quy định về đầu tư công ty đại chúng.

Trên đây là Báo cáo năm 2025 của Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TV. HĐQT ĐỘC LẬP

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

LÊ XUÂN THANH

Số: 05/BC-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ, KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, KINH DOANH NĂM 2026 CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tình hình tài chính

Đvt: triệu đồng

	Khoản mục	31/12/2025		31/12/2024		Tăng giảm	
		Số tiền	%	Số tiền	%	%	+/-
A	**Tổng tài sản**	**309.037**	**100%**	**207.705**		**49%**	**101.332**
1	Tiền	18.426	6%	13.261	6%	39%	5.165
2	Phải thu	164.161	53%	72.264	35%	127%	91.897
	a. Phải thu khách hàng	*53.230*	*17%*	*27.918*	*13%*	*91%*	*25.312*
	b. Trả trước người bán	*100.347*	*32%*	*34.276*	*17%*	*193%*	*66.071*
	c. Phải thu khác	*10.583*	*3%*	*10.070*	*5%*	*5%*	*513*
3	Hàng tồn kho	55.422	18%	48.962	24%	13%	6.460
4	Tài sản cố định	37.821	12%	42.044	20%	-10%	(4.223)
5	Đầu tư dài hạn	17.738	6%	17.740	9%	0%	(2)
6	Đầu tư ngắn hạn	2.000	1%	2.692	1%	-26%	(692)
7	Tài sản khác	13.469	4%	10.741	5%	25%	2.728
B	**Tổng nguồn vốn**	**309.037**	**100%**	**207.705**		**49%**	**101.332**
I	**Nợ phải trả**	**117.399**	**38%**	**108.421**	**52%**	**8%**	**8.978**
1	Phải trả nhà cung cấp	60.424	20%	33.279	16%	82%	27.145
2	Vay và trái phiếu	56.974	18%	55.026	26%	4%	1.948
	a. Vay ngắn hạn	*29.154*	*9%*	*24.806*	*12%*	*18%*	*4.348*
	b. Vay dài hạn	-	*0%*	-	*0%*	*0%*	-
	c. Trái phiếu	*27.820*	*9%*	*30.220*	*15%*	*-8%*	*(2.400)*
3	Phải trả khác	27.471	9%	20.115	10%	37%	7.356
II	**Nguồn vốn**	**191.638**	**62%**	**99.284**	**48%**	**93%**	**92.354**
1	Vốn điều lệ	191.485	62%	127.031	61%	51%	64.454
2	Lợi nhuận chưa phân phối	154	0%	(52.095)	-25%	-100%	52.249
3	Quỹ khác	-	0%	24.348	12%	-100%	(24.348)

Phân tích về tình hình tài chính năm 2025:

a. Tài sản

- Tỷ trọng: trong cơ cấu tài sản, khoản phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định chiếm tỷ trọng cao nhất (lần lượt là 53%, 17% và 18%).
- Biến động (So với năm trước): Tổng tài sản có biến động tăng 49%, tương ứng với mức tăng 101,3 tỷ đồng chủ yếu ảnh hưởng từ các yếu tố sau:

▪ Hàng tồn kho tăng 13%, tương ứng mức tăng 6,5 tỷ đồng, bao gồm tồn kho TM và SX. Trong tồn kho hàng thương mại, chủ yếu tăng ở nhóm hàng TM kênh ETC (hơn 600 triệu), chủ yếu do tăng trong doanh thu HTM ETC. Trong tồn kho sản xuất, chủ yếu tăng ở tồn kho thành phẩm (24%, tương ứng mức tăng 2,9 tỷ đồng), do tăng trong doanh thu hàng sản xuất; tồn kho cao nguyên liệu tăng 23% tương ứng mức tăng 1,9 tỷ đồng chủ yếu tăng trong lượng lá nhập năm 2025 (lượng lá thu mua năm 2025 cao hơn năm 2024 (từ 1.700 tấn lá lên 2.100 tấn lá/năm);

▪ Khoản phải thu tăng 127%, tương ứng mức tăng 91,9 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong khoản phải thu khách hàng (91% tương ứng mức tăng 25 tỷ đồng, do tăng trong doanh thu); khoản trả trước người bán tăng 193% tương ứng mức tăng 66,1 tỷ đồng, chủ yếu do khoản tạm ứng theo HĐ EP C SO 15-10/HD-LDP-ATG/2025 cho dự án CO2;

▪ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tăng 39%, tương ứng mức tăng 5,2 tỷ đồng do tăng trong doanh thu và khoản tiền thu từ khách hàng;

▪ Tài sản cố định giảm 10%, tương ứng mức giảm 4,2 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do thanh lý tài sản với giá trị hơn 3 tỷ đồng và khấu hao trong năm hơn 5,7 tỷ đồng;

▪ Tài sản khác tăng 25%, tương ứng mức tăng 2,7 tỷ đồng chủ yếu do tăng trong các khoản chi phí trả trước ngắn hạn/phân bổ.

b. Nợ phải trả

- Tỷ trọng: Trong cơ cấu nợ phải trả, vay và các khoản phải trả trái phiếu chiếm tỷ trọng cao nhất 18%, trong đó chủ yếu đến từ vay ngắn hạn, do nhu cầu chi trả cho nhà cung cấp và các khoản phải trả trái phiếu.
- Biến động (So với năm trước): Tổng nợ phải trả tăng 8%, tương ứng với mức tăng 9 tỷ đồng chủ yếu ảnh hưởng từ các yếu tố sau:

▪ Khoản nợ vay tăng nhẹ 4%, tương ứng mức tăng 1,9 tỷ đồng, chủ yếu tăng ở khoản vay ngắn hạn ngân hàng 4,3 tỷ đồng, và giảm trong khoản phải trả trái phiếu 8% tương ứng mức chi trả 2,4 tỷ đồng.

▪ Các khoản phải trả khác tăng 37%, tương ứng mức tăng 7,4 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong khoản thuế phải nộp (3,2 tỷ đồng); trích trước các khoản phải trả liên quan đến chi phí phát hành, lãi trái phiếu (3,6 tỷ đồng).

2. Kết quả kinh doanh

Đvt: triệu đồng

	Khoản mục	TH 2025		KH 2025		TH 2024	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% KH	Số tiền	% CK
1	**Doanh thu**	**243.906**	**100%**	**354.932**	**69%**	**217.958**	**12%**
	Thương mại	*80.966*	*33%*	107.010	*76%*	*85.637*	*-5%*
	Sản xuất	*160.136*	*66%*	245.066	*65%*	*129.911*	*23%*
	Khác	*2.804*	*1%*	2.856	*98%*	*2.410*	*16%*
2	**Lợi nhuận gộp**	**81.232**	**33%**	**118.523**	**69%**	**64.390**	**26%**
	Thương mại	*4.164*	*2%*	5.674	*73%*	*4.781*	*-13%*
	Sản xuất	*74.373*	*30%*	110.137	*68%*	*57.308*	*30%*
	Khác	*2.695*	*1%*	2.712	*99%*	*2.300*	*17%*
	% Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	*33%*		*33%*		*30%*	
3	**Chi phí hoạt động**	**67.852**	**28%**	**111.523**	**61%**	**56.720**	**20%**
4	**TN khác/(CP khác)**	**15.320**	**6%**	**-**	**0%**	**-752**	**-2137%**

5	**Lợi nhuận trước thuế**	**28.700**	**3%**	**7.000**	**410%**	**6.918**	**315%**
	%LNTT/DT	*12%*		*2%*		*3%*	

❖ **Phân tích về kết quả kinh doanh năm 2025:**

a. Doanh thu

- Tỷ trọng: Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu hàng sản xuất chiếm tỷ trọng 66%/doanh thu, doanh thu hàng thương mại chiếm 33%/doanh thu.
- Biến động (so với năm trước): Doanh thu đạt 243,9 tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước, tương ứng mức tăng 26 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu tăng trong doanh thu hàng sản xuất 23%, tương đương mức tăng 30,2 tỷ đồng; doanh thu hàng thương mại giảm nhẹ 5%, tương ứng mức giảm 4,7 tỷ đồng. Nguyên nhân là do:
  - Hàng thương mại: giảm nhẹ 5%, tương ứng mức giảm 4,7 tỷ đồng, trong đó:
    - ✓ Nhóm hàng thương mại kênh OTC giảm 14%, tương ứng mức giảm 6,3 tỷ đồng, chủ yếu do giảm trong đơn hàng của Công ty Samaki. Năm 2024, doanh thu từ khách hàng này là hơn 9 tỷ đồng ;
    - ✓ Nhóm hàng thương mại kênh ETC tăng nhẹ 4%, tương ứng mức tăng 1,6 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do tăng trong các gói thầu HTM ở khu vực ngoại tỉnh.
  - Hàng sản xuất: tăng mạnh 23%, tương ứng mức tăng 30,2 tỷ đồng, trong đó:
    - ✓ Kênh chuỗi tăng 26%, tương ứng mức tăng 6,6 tỷ đồng, chủ yếu trong doanh thu đến từ gam hàng Nosamin độc quyền;
    - ✓ Kênh siêu thị tăng mạnh 41%, tương ứng mức tăng 4 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong doanh thu các siêu thị: Bách Hóa Xanh (3,5 tỷ đồng), King Kong (1,7 tỷ đồng), Siêu thị Emart (1,2 tỷ đồng), Long Beach 0,2 tỷ đồng,...
    - ✓ CN Miền Bắc tăng 40%, tương ứng mức tăng 3,9 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong doanh thu của các NPP mở mới và NPP Dược Minh Hải với gam hàng độc quyền trà H20 (đỏ);
    - ✓ CN Đà Lạt tăng 12%, tương ứng mức tăng 7 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trong doanh thu ngoại tỉnh (tăng 82%, tương ứng mức tăng hơn 10 tỷ đồng), chủ yếu ở các khách hàng như đại lý Monar, NPP Herbal, NPP Đức Hưng,...và chủ yếu tập trung ở gam hàng cao cấp;
    - ✓ Kênh xuất khẩu tăng trưởng hơn 3 tỷ chủ yếu doanh thu xuất cho các thị trường Mông Cổ (1 tỷ đồng), Đài Loan (hơn 2 tỷ đồng),...
- So với kế hoạch: doanh thu đạt 69% kế hoạch, trong đó hàng sản xuất đạt 65%, tương ứng mức đạt 160 tỷ đồng, hàng thương mại đạt 76%, tương ứng mức đạt 81 tỷ đồng.

b. Chi phí

Chi tiết chi phí năm 2025 theo nhóm phí:

Đvt: triệu đồng

Khoản mục		TH 2025		TH 2024	Biến động	
		Số tiền	%/CP		+/-	%
1	Chi phí lương	31.515	46%	28.647	2.868	10%
2	Chi phí Marketing và bán hàng	13.572	20%	9.934	3.638	37%
3	Chi phí khấu hao và mặt bằng	4.567	7%	3.922	645	16%
4	Chi phí tài chính	5.057	7%	5.613	(556)	-10%

5	Chi phí hoạt động khác	13.141	19%	8.604	4.537	53%
	Tổng cộng	**67.852**		**56.720**	**11.132**	**20%**

- Tỷ trọng: trong cơ cấu chi phí, chi phí lương chiếm tỷ trọng cao nhất 46%/chi phí (31,5 tỷ đồng); chi phí Marketing và bán hàng chiếm tỷ trọng 20%/chi phí (13,6 tỷ đồng); chi phí tài chính chiếm tỷ trọng 7%/chi phí (5,1 tỷ đồng); chi phí khấu hao và mặt bằng 7%/chi phí (4,5 tỷ đồng), chi phí dịch vụ mua ngoài và khác 19%/chi phí (13,1 tỷ đồng).
- Biến động: so với cùng kỳ chi phí hoạt động tăng 13%, tương ứng mức tăng 12,8 tỷ đồng, trong đó:
  - Chi phí lương tăng 10%, tương ứng mức tăng 2,9 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do tăng trong chi phí lương trực tiếp kinh doanh (doanh thu tăng) và tăng trong chi thưởng lương hiệu quả và lương KPI;
  - Chi phí marketing và bán hàng tăng 37%, tương ứng mức tăng 3,6 tỷ đồng. Trong chi phí bán hàng chủ yếu tăng ở các chi phí liên quan đến các khoản hỗ trợ thương mại theo hợp đồng của siêu thị (các trading term) do tăng trong doanh thu siêu thị (biến phí) và các phí sàn tăng liên tục trong năm 2025; chi phí cộng tác viên bán hàng tăng do mở rộng khách hàng ngoại tỉnh và doanh thu tăng tập trung ở khu vực ngoại tỉnh. Trong chi phí Marketing chủ yếu tăng ở chi phí livesteam (tăng trong doanh thu ecommerce); chi phí biếu tặng sản phẩm công ty do tăng cường ngoại giao và nhu cầu giới thiệu sản phẩm mới tới các đối tác/khách hàng;
  - Chi phí khấu hao và mặt bằng tăng 16%, tương ứng mức tăng 0,6 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí thuê nhà, cửa hàng (2,6 tỷ đồng), chủ yếu ở CN Miền Nam;
  - Chi phí tài chính giảm 10%, tương ứng mức giảm 0,6 tỷ đồng, chủ yếu giảm trong chi phí lãi trái phiếu;
  - Chi phí hoạt động khác, bao gồm chi phí dịch vụ mua ngoài và ngoại giao tiếp khách tăng 53%, tương ứng mức tăng 4,5 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trong các khoản chi phí về ngoại giao; chi phí bản quyền phần mềm Oracle;...

c. Lợi nhuận trước thuế

Stt	Khoản mục	2025	2024	+/-	% +/-
A	**DOANH THU**	**241.102**	**215.548**	**25.554**	**12%**
1	Thương mại	80.966	85.637	(4.672)	-5%
2	Sản xuất	160.136	129.911	30.225	23%
B	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**	**28.700**	**6.918**	**21.781**	**315%**
1	Lãi/(lỗ) trong hoạt động sản xuất	(528)	(4.092)	3.564	-87%
2	Lãi/(lỗ) trong hoạt động đầu tư	(1.635)	(4.514)	2.880	-64%
3	Thu nhập khác từ thanh lý/hỗ trợ	18.057	64	17.994	28276%
4	Lãi trong hoạt động kinh doanh	12.806	15.461	(2.656)	-17%
C	**CHI PHÍ/THU NHẬP LOẠI TRỪ**	**12.336**	**(6.564)**	**18.900**	**-288%**
1	Lãi/(lỗ) trong đầu tư chứng khoán	466	(1.431)	1.897	-133%
2	Chi phí lãi trái phiếu	(2.101)	(3.084)	983	-32%
3	Thu nhập từ thanh lý tài sản	17.016	64	16.952	26639%
4	Các chi phí nhiệm kỳ trước	(3.045)	(2.113)	(931)	44%
4.1	*Chi phí thu hồi nợ khó đòi và các khoản phí tòa án*	*(954)*	*(228)*	*(726)*	*318%*
4.2	*Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi*	*(2.091)*	*(1.885)*	*(205)*	*11%*
D	**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TỪ HDKD CHÍNH**	**16.364**	**13.483**	**2.881**	**21%**

❖ **Lợi nhuận trước thuế:** so với cùng kỳ, lãi trước thuế tăng hơn 300% tương mức tăng 21,8 tỷ đồng, nguyên nhân là do:

- **Lãi/(Lỗ) trong hoạt động sản xuất:** chiếm tỷ trọng 2% trên tổng LNTT, tương ứng mức lỗ 0,5 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ do sản lượng sản xuất thực tế không đủ bù đắp các khoản định phí sản xuất chung (lương gián tiếp, khấu hao máy móc thiết bị sản xuất,…). So với cùng kỳ, khoản lỗ trong sản xuất giảm 87%, tương ứng mức giảm lỗ 3,6 tỷ đồng. Việc tăng trong doanh thu đặc biệt doanh thu hàng sản xuất, tương ứng mức tăng sản lượng đã bù đắp các khoản định phí sản xuất làm cho khoản lỗ trong sản xuất giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, để giảm thiểu khoản lỗ này cần gia tăng hơn nữa trong sản lượng sản xuất song song đó là tăng trong doanh thu từ nhóm hàng sản xuất.
- **Lỗ trong các hoạt động đầu tư:** chiếm tỷ trọng 6% trên tổng LNTT tương ứng mức lãi 1,6 tỷ đồng. Đây là các khoản lãi/(lỗ) trong khoản đầu tư chứng khoán, chi phí lãi phát sinh từ huy động nguồn trái phiếu. So với cùng kỳ, khoản lỗ từ hoạt động đầu tư giảm mạnh hơn 64%, tương ứng mức giảm 2,9 tỷ đồng, nguyên nhân do giảm trong khoản lỗ đến từ đầu tư chứng khoán, giảm trong chi phí lãi trái phiếu**.**
- **Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ thanh lý tài sản và các khoản nhận được từ hỗ trợ dự án liên kết:** 2025 thu nhập khác tăng gần 18 tỷ đồng chủ yếu từ thanh lý tài sản
- **Lãi trong hoạt động kinh doanh chính:** chiếm tỷ trọng 45% trên tổng LNTT, tương ứng mức lãi 12,8 tỷ đồng. Đây là các khoản lãi do lợi nhuận gộp mang lại từ doanh thu bán hàng (bao gồm hàng thương mại, sản xuất, dịch vụ) bù đắp các định phí hoạt động (bao gồm chi phí bán hàng, chi phí Marketing, chi phí lương trực tiếp và gián tiếp kinh doanh, chi phí khấu hao,…và các chi phí khác phục vụ và hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh.

❖ **Các chi phí/thu nhập loại trừ:** đây là các khoản loại trừ thu nhập từ thanh lý tài sản (17 tỷ đồng) và các chi phí của nhiệm kỳ trước (4,7 tỷ đồng) bao gồm đầu tư chứng khoán, trái phiếu và các chi phí liên quan đến nợ khó đòi

❖ **Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính sau khi loại trừ các chi phí/thu nhập:** năm 2025 đạt 16,3 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ chủ yếu do tăng trong doanh thu HSX, đặc biệt hàng cao cấp mang lại LNG cao

d. Top các mặt hàng thành phẩm sản xuất bán chạy năm 2025

Đvt: triệu đồng

Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Doanh thu	Tỷ trọng
LADO TEA TRA ACTISO, T/100 TUI LOC Th/50 T	TUI	864.552	52.110	39%
LADODETOX NOSAMIN, H/10 GOI X 15ML, TH/30H	GOI	1.085.430	19.598	15%
LADOACTISO CAO ONG KHONG DUONG H/10 ONG x 10ml (HOP GAI NAP), TH/40HOP	HOP	266.775	11.943	9%
LADOACTISO TRA ACTISO H/100 TH/50	HOP	195.510	11.318	8%
LADO ACTISO CAO ONG ACTISO (HOP 10 ONG X 10ML) TH/40	HOP	298.874	7.326	5%
LADOACTISO TRA ACTISO, H/20 TH/200	HOP	303.518	4.732	4%

LADO ACTISO ONG UONG ACTISO (HOP 10 ONG X 10ML), TH/40H	HOP	191.776	4.683	3%
LADOHERBAL TRA ACTISO+ THAO MOC H/100 TH/20	HOP	24.150	4.559	3%
HOAT HUYET DUONG NAO H/100v -Th/100H LDP	VIEN	18.679.600	3.248	2%
LADO TEA TRA ACTISO, HOP/20 TUI BAO NGOAI TH/100	HOP	139.251	3.026	2%
LADO TEA TRA ACTISO, H/20 TUI ZIPPER Th/200 H	HOP	136.638	2.436	2%
LADO REVIVE (HOP 10 GOI X 15ML) TH/40	GOI	79.843	2.390	2%
LADO CARE VAN MOC HUONG CH/80 VIEN Th/320	CHAI	148.903	2.344	2%
LADODETOX PUREBODY (HOP 24 GOI X 15 ML), TH/20 HOP	GOI	94.440	2.170	2%
LADO TEA TRA GUNG SA, HOP/20 TUI BAO NGOAI Th/100H	HOP	91.087	2.119	2%

e. Kết luận

Mặc dù doanh thu tăng 12% so với cùng kỳ, tương ứng mức tăng 26 tỷ, tuy nhiên việc tăng mạnh trong doanh thu nhóm hàng sản xuất (23%, tương ứng mức tăng 30 tỷ), đặc biệt các gam hàng nhóm nước (tỷ trọng nhóm nước tăng từ 24% lên 32%, tương ứng mức doanh thu tăng từ 42 tỷ đồng lên 54 tỷ đồng), trong đó tập trung mạnh ở doanh thu đến từ kênh chuỗi và doanh thu từ các khách hàng ngoại tỉnh của CN Đà Lạt đã góp phần tăng lợi nhuận gộp từ 64 tỷ đồng lên 81 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 26%). LNG tăng trưởng cao hơn mức tăng trong chi phí hoạt động, đồng thời đóng góp ở các khoản thu nhập khác từ khoản hỗ trợ trong dự án liên kết (1 tỷ đồng) đã đẩy lợi nhuận trước thuế tăng trưởng mạnh so vói cùng kỳ..

3. Kết quả đầu tư tài sản

Đvt: triệu đồng

Diễn giải	Tổng đầu tư	Vốn tự có	Vốn hỗ trợ
A. Đầu tư tài sản cố định	**4.464**	**3.942**	**522**
Máy ép trục vít Model: TY-420	519	363	156
Nồi cô cao Model: CCK-1000	548	384	164
Máy lọc nước siêu sạch, Hãng SX: Avidity - An	205	144	62
Nồi hấp tiệt trùng Model CL-40L	139	97	42
Tủ theo dõi độ ổn định -Model: OSC G 70 -Ấn	328	230	98
Đầu đốt viên nén gỗ dùng cho lò hơi 1.5 tấn	466	466	
Xe Volkswagen 57L-757.75	2.259	2.259	
B. Đầu tư sửa chữa lớn	**2.304**	**2.304**	**-**
Chi phí thi công VP CN Miền Tây	323	323	
Chi phí sửa chữa, cải tạo, nhà kho 01+02 NQ	259	259	
Chi phí sơn lại NMNQ	302	302	
Chi phí thi công VP CN Miền Bắc	268	268	
Chi phí thi công sơn lại nhà máy PH	451	451	

Chi phí thi công, sửa chữa VP CNMN	299	299	
Chi phí sơn lại nhà máy Phú Hội	270	270	
Chi phí thi công sửa chữa VP CNMN	133	133	
Tổng cộng	**6.768**	**6.768**	

II. KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Các kết quả dự thảo

Kết quả kinh doanh năm 2026 được dự thảo chi tiết như sau:

- Tổng doanh thu 313 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 28% so với năm 2025.
- Lợi nhuận dự kiến: lợi nhuận trước thuế 15,6 tỷ đồng.
- Giá trị mua sắm tài sản và đầu tư mở rộng dự kiến: 243 tỷ đồng.

2. Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2026

Đvt: triệu đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	%/DT
A	**Doanh thu**	**323.613**	**100%**
1	**Hàng thương mại**	102.762	32%
	Hàng thương mại ETC	*50.915*	*16%*
	Hàng thương mại OTC	*51.847*	*16%*
2	**Hàng sản xuất**	**217.995**	**67%**
	Hàng sản xuất ETC	*5.443*	*2%*
	Hàng sản xuất OTC	*212.552*	*66%*
3	**Dịch vụ**	2.856	1%
B	**Lợi nhuận gộp**	**108.679**	**34%**
1	**Hàng thương mại**	**5.253**	**2%**
	Hàng thương mại ETC	*3.154*	*1%*
	Hàng thương mại OTC	*2.099*	*1%*
2	**Hàng sản xuất**	**100.715**	**31%**
	Hàng sản xuất ETC	*815*	*0,3%*
	Hàng sản xuất OTC	*99.900*	*31%*
3	**Dịch vụ**	**2.712**	**1%**
C	**Chi phí hoạt động**	**98.661**	**30%**
1	*Chi phí tiền lương*	40.111	12%
2	*Chi phí Marketing, thương hiệu*	5.888	1,8%
3	*Chi phí tài chính*	12.609	4%
4	*Chi phí bán hàng, tổ chức hội nghị*	15.296	5%
5	*Chi phí dịch vụ mua ngoài, CCDC, nhiên liệu, khác...*	10.438	3%
6	*CP ngoại giao, tiếp khách, công tác phí, NL công tác*	8.260	3%
7	*Chi phí mặt bằng*	4.954	2%
8	*Chi phí khấu hao*	1.105	0,3%

Stt	Nội dung	Số tiền	%/DT
D	**Lợi nhuận khác**	**-**	**0%**
E	**Lợi nhuận trước thuế**	**10.019**	**3%**

a. Doanh thu - lợi nhuận gộp

Tổng doanh thu 2026 dự kiến 324 tỷ đồng, trong đó doanh thu thương mại là 103 tỷ đồng, doanh thu hàng sản xuất là 218 tỷ đồng. So với năm 2025, doanh thu tăng 33%, tương ứng mức tăng 79 tỷ đồng, trong đó hàng sản xuất tăng 36%, tương ứng mức tăng 58 tỷ đồng, hàng thương mại tăng 27%, tương ứng mức tăng 22 tỷ đồng, cụ thể:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	+/-	%
Doanh thu	**243.906**	**323.613**	**79.707**	**33%**
Thương mại	80.966	102.762	21.797	27%
Sản xuất	160.136	217.995	57.859	36%
Khác	2.804	2.856	52	2%
Lợi nhuận gộp	**81.232**	**108.679**	**27.448**	**34%**
Thương mại	4.164	5.253	1.089	26%
Sản xuất	74.373	100.715	26.342	35%
Khác	2.695	2.712	16	1%

b. Chi phí hoạt động

Tổng chi phí kế hoạch 2026 là 98,7 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2025, tương ứng mức tăng 29 tỷ đồng, trong đó bao gồm các khoản chi phí:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026	+/-	%
Chi phí lương	32.815	40.111	7.296	22%
Chi phí Marketing và bán hàng	13.931	21.184	7.253	52%
Chi phí khấu hao và mặt bằng	4.567	6.059	1.492	33%
Chi phí tài chính	5.057	12.609	7.552	149%
Chi phí hoạt động khác	13.141	18.698	5.556	42%
Tổng cộng	**69.511**	**98.661**	**29.150**	**42%**

Chi phí hoạt động tăng 42%, tương ứng mức tăng 29 tỷ đồng, trong đó:

- Chi phí lương tăng 22%, tương ứng mức tăng 7,3 tỷ đồng, do tăng trong chi phí lương trực tiếp kinh doanh để thực hiện mục tiêu doanh thu 313 tỷ đồng và tăng trong chi phí thưởng KPI;
- Chi phí Marketing và bán hàng tăng 52%, tương ứng mức tăng 7,3 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí Marketing cho khách hàng, chi phí công tác viên bán hàng, chi phí thưởng khuyến khích cho đội Sales, CP hoạt động vận hành tại các sàn TMĐT, CP chạy quảng cáo trên các nền tảng để thúc đẩy doanh thu Ecommerce. Cùng với việc đẩy mạnh doanh thu thì các chi phí như vận chuyển, thuê PG, CTV để phát triển ở các khu vực chưa có Sales tăng tương ứng;

- Chi phí tài chính tăng 149%, tương ứng mức tăng 7,6 tỷ đồng, chủ yếu tăng trong chi phí lãi vay và chi phí trái phiếu. Trong năm 2026, dự kiến tăng hạn mức lưu động từ 60 tỷ lên 120 tỷ để phục vụ cho các hoạt động mua hàng nhằm hỗ trợ việc tăng doanh thu;
- Chi phí hoạt động khác tăng 38%, tương ứng mức tăng 5 tỷ đồng chủ yếu tăng trong các khoản chi phí về tiếp khách, ngoại giao, chi phí tổ chức sự kiện và các chi phí công tác khác….

c. Dự kiến về đầu tư

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng tài sản theo tình hình thực tế, các hạng mục đầu tư trong năm 2026 đề xuất bao gồm:

- Đầu tư về nhận diện thương hiệu: đây là khoản đầu tư liên quan đến sửa chữa, đồng bộ các hình ảnh nhận diện thương hiệu Ladophar (bảng hiệu các quầy lẻ, cảnh quan showroom, logo,…); triển khai mô hình showroom, địa điểm tham quan, làm thử sản phẩm tại Xuân Thọ;
- Đầu tư mới và cải tiến máy móc thiết bị (MMTB): đây là các khoản đầu tư về mua mới, sửa chữa, cải tiến MMTB, dây chuyền, hệ thống phục vụ tăng năng suất của Nhà máy sản xuất. Đồng thời là nâng cấp, sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động của Khối chất lượng. Bên cạnh đó là đầu tư trong phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh/quản lý;
- Đầu tư phân xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn;

Hiện nay, đa số máy móc thiết bị chính tại các dây chuyền đang thuê từ Công ty AMC, vì vậy để dự phòng trong trường hợp AMC thu hồi MMTB, Ban điều hành đề xuất các phương án đầu tư mới MMTB, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Phòng sử dụng	Tổng giá trị
A	**Đầu tư về nhận diện thương hiệu**	**Khối kinh doanh**	**55.000**
1	Cải tạo showroom Ngô Quyền	Phòng HCNS & MKT	10.000
2	Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch	Phòng HCNS & MKT	30.000
3	Đề án cấp bộ: "Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý"	Phòng R&D và Vùng nguyên liệu	15.000
B	**Đầu tư mới và cải tiến máy móc thiết bị, phương tiện vận tải**		**196.500**
1	Mua mới, sửa chữa, cải tiến MMTB, dây chuyền, hệ thống phục vụ tăng năng suất của Nhà máy sản xuất cũng như phương tiện vận tải phục vụ SX-KD-QL	Nhà máy SX, R&D, Khối kinh doanh, Khối văn phòng	36.000
2	Mua mới các MMTB đã hư hỏng, độ chính xác thấp trong kiểm tra chất lượng đầu vào của sản phẩm	Khối chất lượng	2.000
3	Đầu tư hệ thống Phòng cháy chữa cháy tại Ngô Quyền	Nhà máy SX	1.000
4	Đầu tư phân xưởng chiết xuất C02 siêu tới hạn (*)	Nhà máy SX	157.500
	Tổng cộng		**251.500**

(*) Trong đó chi tiết khoản đầu tư xưởng chiết xuất CO2 siêu tới hạn như sau:

- Tổng vốn đầu tư: 157,5 tỷ VND, bao gồm:
  . Xây dựng phân xưởng: 50 tỷ VND
  . Dây chuyền CO2 siêu tới hạn: 20 tỷ VND
  . Thiết bị phụ trợ: 25 tỷ VND
  . Vùng nguyên liệu: 25 tỷ VND
  . Vốn lưu động: 37,5 tỷ VND
- Cơ cấu vốn:
  . Vốn tự có: 65,78 tỷ VND (33%)
  . Vốn vay: 91,72 tỷ VND (67%), kỳ hạn 7 năm, lãi suất 8,2%/năm
- Doanh thu dự kiến: 230 tỷ VND/năm (~9,2 triệu USD)
- Chi phí vận hành: 108,61 tỷ VND/năm (bao gồm lãi vay)
- Lợi nhuận gộp: 121,39 tỷ VND/năm
- Lợi nhuận sau thuế (20%): ~97 tỷ VND/năm
- Thời gian hoàn vốn ước tính: ~4,59 năm

4. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

4.1. Về hoạt động kinh doanh

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh được giao cho các chi nhánh/kênh, các đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng sales, từng nhóm hàng, sản phẩm, kênh và địa bàn phân phối để cụ thể hóa mục tiêu kinh doanh 2026;
- Tập trung khai thác hết các tiềm năng của thị trường hiện có cũng như tăng cường việc đẩy mạnh chào hàng ở các thị trường ngách, thị trường ngoại tỉnh tại các khu vực Miền Tây, Miền Trung, Tây Nguyên…chưa được khai thác. Đối với những khu vực không có chi nhánh/đại lý, độ phủ còn mỏng sẽ tăng cường mở rộng thông qua các nhà phân phối có tiềm lực, đưa hàng vào kênh tiêu dùng, tạp hóa. Bên cạnh đó là việc training, giám sát, hỗ trợ Sales của các đại lý trong việc giới thiệu và tư vấn công dụng sản phẩm đối với các khách hàng;
- Đối với hệ thống các chuỗi nhà thuốc, chuỗi thực phẩm chức năng, tập trung chào các sản phẩm thuộc phân khúc cao cấp (nhóm thực phẩm chức năng, nhóm trà cao cấp). Xây dựng các chính sách bán hàng, chính sách công nợ nhằm hỗ trợ các chuỗi lấy và đẩy hàng vào hệ thống, gia tăng độ phủ đối với các sản phẩm của Công ty trên toàn quốc;
- Đối với các điểm bán lẻ trực thuộc Công ty, đồng bộ các bảng nhận diện thương hiệu, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng điểm bán để đưa ra các đề xuất nhằm cải thiện hoặc đóng cửa để giảm thiểu các định phí hoạt động (nếu có);
- Thị trường kênh ETC nhóm hàng sản xuất còn mỏng do thiếu trong danh mục các mặt hàng thuốc đấu thầu, vì vậy cần tăng cường trong việc đẩy mạnh chào thầu ở các sản phẩm đã có số đăng ký nhưng chưa sản xuất hoặc các sản phẩm đã sản xuất nhưng chưa khai thác mạnh cũng như các sản phẩm mới, tập trung danh mục hàng nhóm 1, góp phần đẩy mạnh lợi thế cạnh tranh và tăng lợi nhuận;
- Ngoài ra, để tận dụng công suất máy móc thiết bị ở các dây chuyền sản xuất và tạo công việc cho công nhân sản xuất, tăng cường đẩy mạnh các đơn hàng gia công từ các đối tác thông qua việc ban hành các chính sách thưởng gia công nhằm khuyến khích toàn thể CBNV giới thiệu đơn hàng, thành lập team về gia công & xuất khẩu nhằm chăm sóc, theo dõi các phản hồi từ khách hàng để thúc đẩy đơn hàng thành công. Bên cạnh đó, xây dựng bộ Sales Kit làm cơ sở cho việc chào hàng, giúp các khách hàng hiểu về dây chuyền sản xuất, về MMTB đáp ứng các tiêu chuẩn GMP, về vùng nguyên liệu sạch đạt các tiêu chuẩn GACP, Organic…

- Đối với thị trường xuất khẩu, tăng cường liên hệ với các đối tác đã từng đặt hàng tại Công ty nhằm tìm hiểu về nhu cầu hiện tại, định hướng trong dòng sản phẩm sắp tới của khách hàng tại thị trường nước ngoài, qua đó tư vấn hỗ trợ khách hàng nhằm lấy lại doanh thu đã mất những năm trước. Bên cạnh đó, khai thác các thị trường mới thông qua các chuỗi liên kết với các Công ty du lịch để quảng bá hình ảnh và chất lượng sản phẩm tới bạn bè Quốc tế….

4.2. Về hoạt động Marketing

- Về hoạt động gia tăng nhận diện thương hiệu, tập trung vào việc đồng bộ các hình ảnh nhận diện thương hiệu trên toàn hệ thống thông qua việc cải tạo, sửa chữa các bảng hiệu tại các điểm bán lẻ, showroom, logo…;
- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, hình ảnh, chất lượng sản phẩm và vùng nguyên liệu sạch đạt chuẩn GACP, Organic…
- Thực hiện các hoạt động quảng bá khác thông qua trải nghiệm sản phẩm cho khách hàng tại các hội chợ, hội nghị cấp cao (đưa sản phẩm vào các hội nghị của tỉnh/thành phố), các chương trình của tỉnh về sản phẩm OCOP. Bên cạnh đó, phối hợp với các chuỗi siêu thị để quảng bá sản phẩm;
- Cùng với việc cải tạo cảnh quan showroom, nhà máy là việc phối hợp cùng các Công ty du lịch để thực hiện các tour tham quan nhằm giúp khách hàng trải nghiệm và mua sắm sản phẩm;
- Các chương trình Marketing và bán hàng khác hỗ trợ cho các chi nhánh trong việc đẩy hàng ra thị trường, thông qua nguyên tắc tập trung bán những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở mỗi địa bàn, khu vực. Các chương trình được cụ thể hóa và dành riêng cho mỗi chi nhánh cũng như mỗi địa bàn khác nhau;
- Tăng cường lại công tác chăm sóc khách hàng thông qua việc tư vấn lợi ích, công dụng sản phẩm tới khách hàng, training cho đội ngũ Sales,…

4.3. Về hoạt động sản xuất

- Đầu tư vườn trồng cây dược liệu actiso tại các khu vực Xuân Thọ, Lâm Hà nhằm nâng cao nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao;
- Tái khởi động vùng trồng Diệp hạ châu nhóm 1 nhằm gia tăng các sản phẩm đấu thầu mang lợi thế cạnh tranh cao;
- Nghiên cứu và trồng dược liệu sạch, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của quốc tế cũng như đủ điều kiện để xuất khẩu sang các nước khó tính như Châu Âu, Châu Mỹ, Hàn Quốc;
- Tăng cường cải tiến quy trình, chất lượng sản phẩm để tối ưu giá thành và tăng lợi thế cạnh tranh;
- Rà soát các trang thiết bị cũ, không đảm bảo an toàn lao động và công suất hoạt động nhằm giảm chi phí cũng như tăng năng suất;
- Phối hợp với các công ty khác để gia công các sản phẩm cho đối tác, tận dụng các máy móc và thiết bị sẵn có, tăng công suất nhà máy.

4.4. Về hoạt động quản lý vận hành

- Ban hành và triển khai quy chế tổ chức, trong đó thiết lập các quy chế liên quan đến vận hành bộ máy, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như tăng cường khả năng quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Xây dựng chính sách KPI nhằm tạo động lực cho đội ngũ Sales và đội ngũ hỗ trợ gián tiếp khác;
- Ban hành và triển khai hệ thống phân quyền, nhằm mục đích hoàn thiện hơn hệ thống phân quyền của Công ty và trao quyền chủ động trong khuôn khổ quy định cho các cấp quản lý, cũng như tạo cơ chế linh hoạt hơn cho các phòng/ban, chi nhánh trong hoạt động vận hành;

- Xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống các văn bản lập quy, bao gồm các quy định, quy trình…nhằm giúp hệ thống hóa các văn bản theo một khuôn khổ và đảm bảo nguyên tắc vận hành linh hoạt hơn cho các phòng ban và đơn vị chi nhánh;
- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và thuê các đơn vị/chuyên gia để triển khai các khoá đào tạo kỹ năng, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ nhân viên;

5. KẾT LUẬN

Năm 2025 là một năm có nhiều mức tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt trong nhóm hàng sản xuất. Qua năm 2026, Ban Tổng Tổng Giám Đốc sẽ triển khai các hành động, biện pháp cụ thể để giúp Công ty và người lao động vượt qua giai đoạn khó khăn.

Ban Tổng Giám Đốc rất mong được sự hỗ trợ và đồng hành của Hội đồng quản trị và Ủy Ban Kiểm toán để hoạt động của Công ty ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn, thực hiện hiệu quả chiến lược đã lập ra.

Trên đây là Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả đầu tư, kinh doanh năm 2025 và kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar).

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

LÊ TIẾN THỊNH

Số: 06/BC-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

BÁO CÁO NĂM 2025 CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ")
Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ủy Ban Kiểm toán (UBKT) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar), Quy chế tổ chức hoạt động và các quy định hiện hành, UBKT đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của UBKT trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 với các nội dung như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Ủy Ban Kiểm toán năm 2025:

1. Thành phần Ủy ban kiểm toán:

UBKT được thành lập theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 24/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT/LDP/2025 ngày 05/05/2025 của Hội đồng quản trị. Thành viên UBKT gồm có

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT độc lập – Chủ tịch UBKT	
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT – Thành viên UBKT	

2. Cuộc họp của Ủy Ban Kiểm toán trong năm 2025

Stt	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Xuân Thanh	2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	2/2	100%	

3. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2025. Trong năm 2025, UBKT đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2025; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính định kỳ;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan;
- Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro;
- Giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban điều hành và Kiểm toán nội bộ;
- Giám sát Công ty kiểm toán độc lập theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán đã ký với LADOPHAR năm 2025;

- Tham dự các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp của Ban điều hành có liên quan đến hoạt động kiểm soát và kiểm toán để tham gia góp ý kiến về định hướng điều hành kinh doanh, quản lý tài chính và hoàn thiện các quy chế quản lý;
- Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông lớn.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa UBKT với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong quá trình hoạt động giám sát, UBKT luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý các phòng ban liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình. Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ công tác giám sát của UBKT.

UBKT tổng hợp các ý kiến của các thành viên để thống nhất báo cáo kết quả giám sát cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trong các phiên họp định kỳ.

Phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành và quản lý nhằm khắc phục kịp thời các tồn tại, đảm bảo công tác kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

5. Kết quả hoạt động của UBKT trong năm 2025.

5.1. Giám sát Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Theo Báo cáo tài chính năm 2025, UBKT báo cáo kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2025 được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định hiện hành;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập với ý kiến chấp thuận và được công bố theo quy định.

Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Đvt: triệu đồng

	Khoản mục	TH 2025		KH 2025		TH 2024	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	% KH	Số tiền	% CK
1	**Doanh thu**	**243.906**	**100%**	**354.932**	**69%**	**217.958**	**12%**
	Thương mại	*80.966*	*33%*	107.010	*76%*	*85.637*	*-5%*
	Sản xuất	*160.136*	*66%*	245.066	*65%*	*129.911*	*23%*
	Khác	*2.804*	*1%*	2.856	*98%*	*2.410*	*16%*
2	**Lợi nhuận gộp**	**81.232**	**33%**	**118.523**	**69%**	**64.390**	**26%**
	Thương mại	*4.164*	*2%*	5.674	*73%*	*4.781*	*-13%*
	Sản xuất	*74.373*	*30%*	110.137	*68%*	*57.308*	*30%*
	Khác	*2.695*	*1%*	2.712	*99%*	*2.300*	*17%*
	% Lợi nhuận gộp/ Doanh thu	*33%*		*33%*		*30%*	
3	**Chi phí hoạt động**	**67.852**	**28%**	**111.523**	**61%**	**56.720**	**20%**
4	**TN khác/(CP khác)**	**15.320**	**6%**	**-**	**0%**	**-752**	**-2137%**
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**28.700**	**3%**	**7.000**	**410%**	**6.918**	**315%**
	%LNTT/DT	*12%*		*2%*		*3%*	

Trong năm 2025, tổng doanh thu đạt 243.906 triệu đồng, tăng 12% so với năm 2024 nhưng chỉ đạt 69% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 28.700 triệu đồng, tăng 315% so với năm 2024 và vượt 410% kế hoạch, chủ yếu nhờ tăng mạnh doanh thu hàng sản xuất (23%), tối ưu chi phí hoạt động và thu nhập khác từ thanh lý tài sản.

Đánh giá chung: Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 309.037 triệu đồng, tăng 49% (tương đương 101.332 triệu đồng) so với năm 2024. Cơ cấu tài sản hợp lý với tỷ trọng phải thu và hàng tồn kho cao, phù hợp với đặc thù ngành dược. Lợi nhuận tăng trưởng mạnh nhờ mảng sản xuất (đặc biệt nhóm nước và hàng cao cấp) và thu nhập khác từ thanh lý tài sản, dù doanh thu chưa đạt kế hoạch do ảnh hưởng từ một số kênh thương mại. Năm 2025 Công ty đã nỗ lực vượt khó, hoàn thành vượt trội chỉ tiêu lợi nhuận.

5.2. Giao dịch với người có liên quan. Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan đều nằm trong chương trình hợp tác chiến lược hoặc hỗ trợ phát triển. Chưa phát hiện giao dịch có xung đột lợi ích với Công ty. Các giao dịch trọng yếu đã được trình bày đầy đủ trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

5.3. Hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ đáp ứng yêu cầu hiệu quả, an toàn tài sản, thông tin tài chính kịp thời và tuân thủ pháp luật. UBKT đã giám sát việc hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo quy định hiện hành. Phạm vi kiểm soát nội bộ được thiết lập trong tất cả các bộ phận từ HĐQT đến các điểm phát sinh nghiệp vụ.

5.4. Hoạt động giám sát của Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban điều hành và Kiểm toán. UBKT thực hiện giám sát thông qua theo dõi trực tiếp hoạt động HĐQT, giám sát Ban điều hành qua chấp hành Nghị quyết HĐQT, tiếp xúc Tổng Giám đốc và các đơn vị, đồng thời qua kênh báo cáo. Kết quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và Kiểm toán nội bộ năm 2025 đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ, góp phần hoàn thành vượt trội chỉ tiêu lợi nhuận.

II. Tóm lược kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT):

UBKT đã hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động, giám sát tính trung thực của Báo cáo tài chính, rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giao dịch liên quan và giám sát hoạt động kiểm toán độc lập.

III. Kế hoạch của Ủy ban kiểm toán năm 2026:

Căn cứ nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động và các quy định có liên quan, UBKT có kế hoạch hoạt động trong năm 2026 như sau:

- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2026 (tổng doanh thu dự kiến 323.613 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế 10.019 triệu đồng); Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính định kỳ;
- Giám sát việc tổ chức thực hiện hệ thống quản lý rủi ro;
- Giám sát hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan và đề xuất HĐQT thông qua Nghị quyết về giao dịch với người có liên quan cho năm 2027;

- Trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt "Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026". Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ.

Trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

TM.ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH UBKT

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

LÊ XUÂN THANH

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

Số: 07/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Có kinh nghiệm kiểm toán các công ty trong cùng lĩnh vực kinh doanh;
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảo bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Chi phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đề xuất:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 05 (năm) đơn vị kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

3. Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính được thuận lợi, trong trường hợp Công ty không đàm phán được về giá và các điều kiện kiểm toán với các đơn vị kiểm toán nêu trên, hoặc trong trường hợp Công ty cần thay đổi đơn vị kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động quyết định lựa chọn 01 (một) đơn vị kiểm toán độc lập khác dựa trên các tiêu chí tại Mục 1 và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 08/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2026 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kết quả kiểm toán đã được xác thực theo:

- Báo cáo kiểm toán độc lập (riêng) số 1.0644/26/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 27/03/2026.
- Báo cáo kiểm toán độc lập (hợp nhất) số 1.0645/26/TC-AC của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ký ngày 27/03/2026.

(Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 09/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar), cụ thể như sau:

1. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026
1	**Doanh thu thuần**	**324.905**
1.1	*Doanh thu hàng thương mại*	*105.837*
1.2	*Doanh thu hàng sản xuất*	*216.212*
1.3	*Doanh thu cung cấp dịch vụ*	*2.856*
2	**Tổng chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động SX KD**	**98.070**
3	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**10.000**
4	**Giá trị đầu tư tài sản**	**93.000**
4.1	*Đầu tư cải tạo/nâng cấp showroom Ngô Quyền*	*10.000*
4.2	*Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch*	*30.000*
4.3	*Đề án cấp bộ: "Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý"*	*15.000*
4.4	*Đầu tư mới và cải tiến MMTB/phương tiện vận tải phục vụ SX-KD-QL-CL*	*196.500*

2. Trong các trường hợp phát sinh khác, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2026 phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho ĐHĐCĐ trong các kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 10/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

TT11

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.*

Hiện nay, nhằm đủ nguồn lực đáp ứng cho kế hoạch kinh doanh 2026 trong tình hình kinh doanh mới, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích vay vốn:

- Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất-kinh doanh-quản lý; đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy. Thực hiện việc đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy, showroom và các bất động sản khác; các khoản đầu tư về nhận diện thương hiệu…
- Trả nợ trái phiếu và các khoản nợ khác của Công ty.

2. Hình thức vay vốn: Vốn vay trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn tại các tổ chức tín dụng; các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp; vay vốn từ các cá nhân, tổ chức khác thông qua các hợp đồng vay vốn…

3. Hạn mức vay vốn của từng khoản đầu tư như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vay vốn lưu động ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	150.000
2	Vay vốn vay trung và dài hạn cho các khoản đầu tư	150.000
	Tổng cộng	**300.000**

4. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn để đảm bảo hiệu quả và nguồn vốn hoạt động theo tình hình thực tế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 11/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

TT12

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về lợi nhuận năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) như sau:

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.557.746.293	28.557.746.293
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.892.528	10.892.528

Theo báo cáo tài chính năm 2025, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 10.892.528 đồng, tuy nhiên vẫn còn khoản lỗ lũy kế từ các năm trước cần đươc xử lý nhằm đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Do đó, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty như sau:

- Dùng toàn bộ lợi nhuận sau thuế TNDN của năm 2025 để bù đắp lỗ lũy kế của Công ty.
- Không thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5800000047 - C.T.C.P - CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR) - P. CAM LY - ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 12/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH

Về thù lao năm 2026 cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
TT13

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về thù lao năm 2026 cho HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký HĐQT) như sau:

1. Báo cáo thù lao năm 2025:

a. Định mức thù lao năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua vào kỳ họp thường niên năm 2025:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000.000
5	Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán	5.000.000
6	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán	3.000.000
7	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

b. Thù lao HĐQT, BKS, UBKT và Thư ký chi trả năm 2025 với số liệu trước khi trừ Thuế cụ thể như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
I	**Hội đồng quản trị**		
1	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
2	Lê Tiến Thịnh	TV.HĐQT	120.000.000
3	Đặng Thùy Linh	TV.HĐQT	120.000.000

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
4	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.HĐQT	120.000.000
5	Lê Xuân Thanh	TV. Độc lập HĐQT	120.000.000
II	**Ban Kiểm soát**		
1	Đào Thị Nga	Trưởng BKS	33.900.000
2	Võ Kim Nguyên	TV.BKS	16.950.000
3	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	TV.BKS	16.950.000
III	**ỦY Ban Kiểm toán**		
1	Lê Xuân Thanh	Chủ tịch UBKT	44,032,000
2	Nguyễn Thị Hồng Giang	TV.UBKT	23,613,000
III	**Người Phụ trách Quản trị kiêm TK.HĐQT**		
1	Phạm Thị Huyền Trang	Người PTQT kiêm TK.HĐQT	60.000.000
	Cộng		**960.000.000**

2. Thù lao năm 2026:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000
3	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	5.000.000
4	Thành viên Ủy ban kiểm toán	3.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Quý cổ đông;*
- *Lưu: VP HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 13/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

TT14

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 nội dung như sau:

1. Căn cứ Bản án số 08/2025/KDTM-PT ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (phúc thẩm), buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (gọi tắt là Bảo Thư) phải thanh toán cho Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số tiền 20.900.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ chín trăm triệu đồng*).
2. Bản án số 09/2025/KDTM-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (phúc thẩm), buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm trả cho Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số tiền 11.600.000.000 đồng (*Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng*).
3. Căn cứ Bản án số 01/2026/KDTM-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng (sơ thẩm), buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Nước Giải Khát Thảo Dược Ladophar (là công ty con của Ladophar) số tiền 17.550.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng giá trị các khoản nợ mà Bảo Thư phải thanh toán cho Công ty Ladophar và công ty con của Ladophar là 50.050.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ năm mươi triệu đồng chẵn*).

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục thi hành án để thu hồi nợ. Trong quá trình thi hành án, bên phải thi hành (Bảo Thư) có thể giao nộp tài sản (đất đai, quyền sử dụng đất, nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất tại các cụm công nghiệp hoặc khu vực khác) để trừ nợ.

Để Công ty có cơ sở pháp lý đầy đủ để tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng và kinh doanh hợp pháp các tài sản thu hồi được từ việc thi hành án (làm tài sản thế chấp hoặc tài sản thanh toán nợ), Công ty cần bổ sung một số ngành nghề kinh doanh phù hợp với loại hình tài sản dự kiến nhận. Tại thời điểm trình Đại hội đồng cổ đông, Công ty chưa xác định chính xác loại tài sản cụ thể sẽ được giao (có thể là đất công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, nhà xưởng sản xuất, kho bãi, cụm công nghiệp… thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau).

Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét và thông qua các nội dung sau:

I. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung
0810	Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét.
0893	Khai thác muối.
0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.
6829	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)

2. Cập nhật lại một số mã ngành nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/11/2025 như sau:

STT	THÔNG TIN TRƯỚC CẬP NHẬT		THÔNG TIN SAU CẬP NHẬT	
	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
2	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.*	4722	Bán lẻ thực phẩm *Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng.*	4722
3	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	4772
4	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.	4791	Hoạt động trung gian bán lẻ	4790
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. *Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.*	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. *Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.*	1105
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4679

	Chi tiết: *- Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.* *- Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).* *- Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).*		*Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.* *- Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).* *- Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).*	
7	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.	4721	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.	4721
8	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì	4773	Bán lẻ hàng hoá khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết: Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.*	4773
9	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.	4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

3. Các ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi bổ sung và cập nhật sẽ bao gồm:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	**Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.** ***Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.***
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. *Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.*
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.*

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. *Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.*
1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. *Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.*
5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.* *- Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).* *- Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).*
4722	Bán lẻ thực phẩm *Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.*
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.*
4790	Hoạt động trung gian bán lẻ.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hoá khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết: Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.*

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.* *- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.*
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. *Chi tiết:* *- Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.* *- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.*
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết:* - *Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác.* *Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.*
0810	**Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét.**
0893	**Khai thác muối.**
0899	**Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.**
0990	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.**
6829	**Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.**
6499	**Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)**

II. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- Cập nhật thêm thông tin về ngành, nghề kinh doanh được bổ sung nêu trên vào Điều 6 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu,	**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty** 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.	đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. **Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét. Khai thác muối. Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí).**

- Bổ sung vào cuối Điều lệ Công ty đính kèm Phụ lục đầy đủ các ngành, nghề kinh doanh của Công ty có kèm theo mã ngành sau khi đã bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

III. Ủy quyền và giao cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:

- Thực hiện bổ sung nội dung Điều lệ theo mục nêu trên và ký ban hành Điều lệ mới;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định pháp luật.

IV. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:

- Trong phạm vi bổ sung ngành nghề kinh doanh và bổ sung nội dung Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua như trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc đăng ký cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật.

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét thông qua để trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Quý cổ đông;*
- *Lưu: VP HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5800000047 - C.T.C.P - CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR) - P. CAM LY - ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 14/TTr-DHTN/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

TT18

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10/12/2025;*
- *Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 11/03/2026 v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT/LDP/2026 ngày 17/3/2026 v/v gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Hội đồng quản trị;*
- *Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2025;*

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và bất thường năm 2025, ĐHĐCĐ đã thông qua một số nội dung, đồng thời ĐHĐCĐ đã giao/ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện. Vì vậy Hội đồng quản trị kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 thông qua một số nội dung như sau:

I. Báo cáo các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ năm 2025 đã thực hiện:

Trong năm 2025, HĐQT đã nhận nhiệm vụ được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ và đã hoàn thành các công việc. Cụ thể:

1. Từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

1.1 Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2025 (theo Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Ban Kiểm soát);

1.2 Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (theo Tờ trình số 09/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị)

1.3 Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2025 (theo Tờ trình số 10/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

1.4 Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 (theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

1.5 Tờ trình về khen thưởng năm 2024 và thù lao, khen thưởng năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy Ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị) (theo Tờ trình số 12/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

1.6 Tờ trình về việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty (theo Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

1.7 Tờ trình về việc báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thông qua việc tiếp tục thực hiện các Phương án phát hành cổ phiếu (theo Tờ trình số 17/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

1.8 Tờ trình về việc thông qua Phương án Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (theo Tờ trình số 18/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị)

2. Từ ĐHĐCĐ bất thường năm 2025:

2.1 Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty *(theo Tờ trình số 03/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty);*

2.2 Tờ trình về phương án khắc phục lỗ lũy kế (theo Tờ trình số 04/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty);

2.3 Tờ trình về việc bổ sung hình thức và mục đích vay vốn năm 2025 (theo Tờ trình số 05/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty);

2.4 Tờ trình về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và giải ngân đầu tư nhà máy CO2 siêu tới hạn (theo Tờ trình số 06/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty).

II. Báo cáo các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ năm 2025 nhưng chưa hoàn thành:

HĐQT đã nhận ủy quyền từ ĐHĐCĐ các nội dung nhưng chưa hoàn thành như sau:

1. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt (theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) => Do chưa thu xếp được nguồn vốn nên chưa triển khai trong năm 2025;
2. Tờ trình về chủ trương đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu (theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị)) => Do chưa thu xếp được nguồn vốn nên chưa triển khai trong năm 2025;
3. Tờ trình về chủ trương đầu tư dự án xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO_2 siêu tới hạn (theo Tờ trình số 16/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) => Đang trong giai đoạn nghiên cứu, xin cấp phép xây dựng và báo giá mua sắm trang thiết bị.
4. Tờ trình về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(theo Tờ trình số 07/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty)*.

III. HĐQT xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2026:

- Tạm ngưng triển khai đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt (theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2024;
- Tạm ngưng triển khai đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu (theo

Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2024;

- Tiếp tục triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án đầu tư xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO_2 siêu tới hạn (theo Tờ trình số 16/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- *Quý cổ đông;*
- *Lưu: VP HĐQT.*

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

PHẠM TRUNG KIÊN

Số: 15/TTr-HDQT/LDP/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc tiếp tục triển khai Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

---

.19

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Căn cứ Tờ trình số 07/TTr-DHBT/2025 về Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10/12/2025 và tình hình triển khai thực tế, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo ĐHĐCĐ về việc thực hiện triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

1. Cơ sở pháp lý của phương án

Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua với các nội dung chính về tỷ lệ chào bán, giá chào bán dự kiến, mục đích sử dụng vốn và thời hạn thực hiện.

Mục tiêu của phương án là tăng vốn điều lệ cho Công ty, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành dược phẩm.

2. Tình hình triển khai thực tế

Từ thời điểm Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 có hiệu lực đến nay, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã chuẩn bị các công việc ban đầu (xây dựng kế hoạch chi tiết, phối hợp với các đơn vị tư vấn).

Tuy nhiên, **đến thời điểm báo cáo, Công ty chưa triển khai thực tế việc chào bán cổ phiếu**. Các lý do chính bao gồm:

- Thị trường chứng khoán và điều kiện kinh tế vĩ mô trong năm 2025 có nhiều biến động, ảnh hưởng đến thời điểm huy động vốn tối ưu;
- Công ty ưu tiên tập trung nguồn lực vào việc ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi;
- Một số thủ tục hành chính và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán đang được hoàn tất.

Hiện tại, phương án vẫn còn nguyên giá trị pháp lý và chưa hết thời hạn thực hiện theo Nghị quyết đã thông qua.

3. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

Để đảm bảo việc tăng vốn điều lệ theo đúng mục tiêu đã đề ra, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo tình hình triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Thông qua việc tiếp tục triển khai thực hiện Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 đã được thông qua ngày 10/12/2025 theo tờ trình số 07/TTr-DHBT/2025 ngày 18/11/2025. *(Chi tiết theo file đính kèm)*
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định thời điểm chào bán cụ thể, điều chỉnh giá chào bán (trong khuôn khổ pháp luật cho phép) cho phù hợp với tình hình thị trường tại thời điểm triển khai;
- Hoàn tất các thủ tục cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan liên quan;
- Báo cáo kết quả triển khai cho ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.

Hội đồng quản trị cam kết sẽ triển khai phương án một cách minh bạch, đúng quy định pháp luật và bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông hiện hữu.

Hội đồng quản trị kính Báo cáo./.

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 5800000047 - C.T.C.P
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)
P. CAM LY - ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM TRUNG KIÊN

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)
Số 18 Ngô Quyền, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
Hotline: 0263.999.9999 - 02633817937
Email: ladopharcorp@gmail.com
Website: http://www.ladopharcorp.com

PHƯƠNG ÁN

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

NĂM 2026

Lâm Đồng, tháng 05 năm 2026

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar);
- Tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu vốn của Công ty.

Nay xây dựng phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

I. Phương án chào bán

1	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2	Mã chứng khoán	:	LDP
3	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng *(Mười nghìn đồng)*/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành	:	18.728.135 cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu quỹ	:	32 cổ phiếu
7	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	187.281.670.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).
8	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa	:	9.364.067 cổ phiếu
9	Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa theo mệnh giá	:	93.640.670.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)*
10	Mức tăng vốn điều lệ dự kiến	:	93.640.670.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)*
11	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	28.092.202 cổ phiếu
12	Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	280.922.340.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn..)*
13	Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
14	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá, theo Điều 13

			Nghị định 155)
15	Phương thức phân phối cổ phần	:	Cổ phiếu được phân phối cho Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được phân bổ quyền.
16	Tỉ lệ chào bán	:	2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lẻ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu khác).
17	Phương án làm tròn cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và phân phối cổ phiếu không được đăng ký thực hiền quyền mua	:	Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phiếu chào bán cho từng cổ đông và cổ phiếu do cổ đông không mua hết, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu) và quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, cổ phiếu do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trường hợp phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết đó cho cổ đông hiện hữu khác mà dẫn đến việc cổ đông hiện hữu khác đó sở hữu đến tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết của LDP mà thuộc trường hợp phải chào mua công khai theo quy định pháp luật thì cổ đông hiện hữu khác đó không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế chào bán, HĐQT có thể quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.

18	Điều kiện chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông hiện hữu được quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho tất cả cá nhân khác. Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Cổ phần do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
19	Thời gian dự kiến phát hành	:	Trong năm 2026, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty
20	Sửa đổi Giấy phép hoạt động và Điều lệ sau đợt chào bán	:	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ tăng thêm tương ứng theo số cổ phiếu thực tế chào bán.
21	Niêm yết bổ sung và Đăng ký chứng khoán bổ sung		Toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện sẽ được thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phần chào bán trong thời gian sớm nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

22. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể gây ra rủi ro pha loãng, cụ thể như sau:

(i) *Pha loãng giá cổ phiếu*

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền bị điều chỉnh kỹ thuật theo tính toán của HNX, bị giảm (bị pha loãng) .

(ii) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, Chỉ số EPS của Công ty có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại trong khi việc sử dụng vốn huy động được chưa đem lại ngay doanh thu, lợi nhuận.

(iii) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thành công 9.364.067 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 93.640.670.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Chi tiết
1	Bù đắp thiếu hụt đầu tư nhà máy LDP CO2 hoặc/và trả cho tổ chức/cá nhân đã cho vay một phần/toàn phần số tiền dự kiến.	90.000.000.000	Hoàn thiện dự án CO2 siêu tới hạn tại Đức Trọng (tổng 157,5 tỷ, đã có 59,29 tỷ từ PHRL).
2	Bổ sung vốn lưu động số tiền còn thừa sau khi thực hiện mục trên.	3.640.670.000	Trả nợ, mua nguyên liệu, bổ sung dòng tiền kinh doanh
Tổng		**93.640.670.000**	

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế, có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

III. Các nội dung ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ thống nhất ủy quyền cho HĐQT và HĐQT có thể giao và/hoặc ủy quyền lại cho Người Đại Diện Pháp Luật Công ty thực hiện các công việc sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán cổ phiếu để đảm bảo đợt chào bán được thành công nếu xét thấy cần thiết;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc chào bán theo đúng thủ tục và quy định hiện hành;
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu chào bán không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khác nêu tại Mục I phương án này;

- Quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác hoặc hủy;
- Quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế;
- Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty và tiến hành đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu thực tế tăng thêm;
- Sửa đổi, bổ sung các tài liệu có liên quan (bao gồm nhưng không hạn chế việc: quyết định phương án chào bán chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước…) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện việc chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, sửa đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm.
- Chủ động triển khai giải ngân, phân bổ vốn, điều chỉnh mục đích sử dụng vốn phù hợp và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Quý cổ đông;
- Lưu: VP HĐQT.

M.S.D.N: 5800000047 - C.T.C.P - CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR) - P. CAM LY - ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

PHẠM TRUNG KIÊN

Lâm Đồng, ngày ... tháng ... năm 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TT19

Tên cổ đông / Đại diện được ủy quyền: .....

Mã số: .....

Số cổ phần được quyền biểu quyết:.....

Trong đó: + Số cổ phần sở hữu: .....

+ Số cổ phần được ủy quyền: .....

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

*(Vui lòng đánh dấu **"X"** hoặc **"✓"** vào 1 trong 3 ô chọn)*

TT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị. *(theo Báo cáo số 03/BC-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
2	Báo cáo năm 2025 của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. *(theo Báo cáo số 04/BC-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Thành viên độc lập HĐQT Công ty)*	☐	☐	☐
3	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2025 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2026. *(theo Báo cáo số 05/BC-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Tổng Giám đốc Công ty)*	☐	☐	☐
4	Báo cáo năm 2025 của Ủy Ban Kiểm toán. *(theo Báo cáo số 06/BC-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty)*	☐	☐	☐
5	Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026. *(theo Tờ trình số 07/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
6	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025. *(theo Tờ trình số 08/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
7	Tờ trình về kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026. *(theo Tờ trình số 09/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
8	Tờ trình về việc phê duyệt hạn mức vay vốn năm 2026. *(theo Tờ trình số 10/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐

TT	Nội dung biểu quyết	Ý kiến biểu quyết		
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
9	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025. *(theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
10	Tờ trình về thù lao năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị). *(theo Tờ trình số 12/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
11	Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, của Công ty. *(theo Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
12	Tờ trình về việc Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025. *(theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐
13	Tờ trình về tiếp tục triển khai Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. *(theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*	☐	☐	☐

Người biểu quyết
(Ký và ghi rõ họ tên)

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2026 *Lâm Đồng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

TT20

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar, sau đây gọi tắt là "Công ty");*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/BB-ĐHĐCĐ/LDP /2026 ngày 05/05/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.*

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) được tổ chức vào ngày 05/05/2026 tại Công ty CP Dược Lâm Đồng (Số 18 Ngô Quyền, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng), với tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền tham dự là .....… cổ đông, đại diện cho .....… cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội, chiếm.....…% tổng số cổ phần của Công ty, đã thảo luận và thống nhất:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

1.1 Báo cáo năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị.

1.2 Báo cáo năm 2024 của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

1.3 Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh, đầu tư năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2026.

1.4 Báo cáo năm 2025 của Uỷ Ban Kiểm toán.

1.5 Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán.

Điều 2: Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 như sau:

1.1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
- Có kinh nghiệm kiểm toán các công ty trong cùng lĩnh vực kinh doanh;
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, uy tín, trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảo bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Chi phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

1.2. Phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán độc lập:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 (một) trong 05 (năm) đơn vị kiểm toán độc lập dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

1.3. Để công tác kiểm toán Báo cáo tài chính được thuận lợi, trong trường hợp Công ty không đàm phán được về giá và các điều kiện kiểm toán với các đơn vị kiểm toán nêu trên, hoặc trong trường hợp Công ty cần thay đổi đơn vị kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động quyết định lựa chọn 01 (một) đơn vị kiểm toán độc lập khác dựa trên các tiêu chí tại Mục 1 và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Chi tiết theo Tờ trình số 10/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này

Điều 3: Thông qua Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

2.1. Kế hoạch đầu tư và kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026
1	**Doanh thu thuần**	**324.905**
	Doanh thu hàng thương mại	*105.837*
	Doanh thu hàng sản xuất	*216.212*
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	*2.856*
2	**Tổng chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động SX KD**	**98.070**
3	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**10.000**
4	**Giá trị đầu tư tài sản**	**93.000**
	Đầu tư cải tạo/nâng cấp showroom Ngô Quyền	*10.000*
	Cải tạo vườn Xuân Thọ thành điểm thu hút khách du lịch	*30.000*
	Đề án cấp bộ: "Ứng dụng công nghệ sinh học trong nhân giống, trồng trọt và chế biến một số dược liệu quý"	*15.000*
	Đầu tư MMTB/phương tiện vận tại phục vụ SX-KD-QL-CL	*38.000*

2.2. Trong các trường hợp có phát sinh khác, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2026 phù hợp theo tình hình thực tế và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong các kỳ họp gần nhất.

Chi tiết theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 4: Thông qua hạn mức vay vốn năm 2026 của Công ty như sau:

4.1. Mục đích vay vốn:

- Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất-kinh doanh-quản lý; đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy. Thực hiện việc đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy, showroom và các bất động sản khác; các khoản đầu tư về nhận diện thương hiệu…
- Trả nợ trái phiếu và các khoản nợ khác của Công ty.

4.2. **Hình thức vay vốn:** Vốn vay trung và dài hạn bằng hình thức vay vốn tại các tổ chức tín dụng; các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp; vay vốn từ các cá nhân, tổ chức khác thông qua các hợp đồng vay vốn…

4.3. Hạn mức vay vốn của từng khoản đầu tư như sau:

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vay vốn lưu động ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	150.000
2	Vay vốn vay trung và dài hạn cho các khoản đầu tư	150.000
	Tổng cộng	**300.000**

4.4. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xem xét, lựa chọn và quyết định các phương án, hình thức vay vốn để đảm bảo hiệu quả và nguồn vốn hoạt động theo tình hình thực tế.

Chi tiết theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 5: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Dùng toàn bộ lợi nhuận sau thuế TNDN (10.892.528 đồng) của năm 2025 để bù đắp lỗ lũy kế của Công ty.
- Không thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2025.

Chi tiết theo Tờ trình số 11/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 6: Thông qua mức thù lao năm 2026 cho Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị) như sau:

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000
3	Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán	10.000.000
4	Thành viên Ủy Ban Kiểm toán	5.000.000
5	Người phụ trách quản trị Công ty (kiêm Thư ký Hội đồng quản trị)	5.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Thư ký HĐQT năm 2026 dự kiến được chi 2 đợt, vào 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

Chi tiết theo Tờ trình số 12/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

7.1. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Mã ngành,	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung

nghề	
0810	Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét.
0893	Khai thác muối.
0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.
6829	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.
6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)

7.2. Các ngành, nghề kinh doanh của Công ty sau khi bổ sung (có cập nhật lại một số mã ngành theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/11/2025) sẽ bao gồm:

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	**Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.** ***Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.***
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. *Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.*
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.*
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. *Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.*
1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. *Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.*
5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.* *- Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).* *- Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).*
4722	Bán lẻ thực phẩm *Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.*
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.*
4790	Hoạt động trung gian bán lẻ.

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hoá khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết: Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.*
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.* *- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.*
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. *Chi tiết:* *- Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.* *- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.*
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết:* - *Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác.* *Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.*
0810	**Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét.**
0893	**Khai thác muối.**
0899	**Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.**
0990	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.**
6829	**Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.**
6499	**Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí)**

7.3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:

- Cập nhật thêm thông tin về ngành, nghề kinh doanh được bổ sung nêu trên vào Điều 6 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ	**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty** 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật

Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.	tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. **Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét. Khai thác muối. Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí).**

7.4. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:

- Thực hiện bổ sung nội dung Điều lệ như nêu trên và ký ban hành Điều lệ mới;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý để đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng theo đúng quy định pháp luật.

7.5. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT:

Trong phạm vi bổ sung ngành nghề kinh doanh và bổ sung nội dung Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua như trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định mọi vấn đề phát sinh liên quan đến việc đăng ký cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ theo quy định của pháp luật.

Chi tiết theo Tờ trình số 13/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 8: Thông qua các nội dung trong Tờ trình báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được giao/ủy quyền từ ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2025

ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thống nhất thông qua các nội dung:

- Tạm ngưng triển khai đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất dược phóng xạ tại Đà Lạt (theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2024;
- Tạm ngưng triển khai đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong dược liệu

(theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị) đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24/04/2024;

- Tiếp tục triển khai các giai đoạn tiếp theo của dự án đầu tư xây dựng xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO_2 siêu tới hạn (theo Tờ trình số 16/TTr-DHTN/2025 ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị);

Chi tiết theo Tờ trình số 14/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 9: Thông qua việc tiếp tục triển khai Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 thống nhất thông qua việc tiếp tục triển khai Phương án Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2026 để tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1	Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2	Mã chứng khoán	:	LDP
3	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng *(Mười nghìn đồng)*/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành	:	18.728.135 cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu quỹ	:	32 cổ phiếu
7	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	187.281.670.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ hai trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).
8	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa	:	9.364.067 cổ phiếu
9	Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa theo mệnh giá	:	93.640.670.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)*
10	Mức tăng vốn điều lệ dự kiến	:	93.640.670.000 đồng *(Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)*
11	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	28.092.202 cổ phiếu
12	Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn thành chào bán riêng lẻ	:	280.922.340.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn..)*
13	Hình thức chào bán	:	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

14	Giá chào bán	:	10.000 đồng/cổ phiếu (bằng mệnh giá, theo Điều 13 Nghị định 155)
15	Phương thức phân phối cổ phần	:	Cổ phiếu được phân phối cho Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông) để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu quỹ sẽ không được phân bổ quyền.
16	Tỉ lệ chào bán	:	2:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 01 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lẻ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân phối cho cổ đông hiện hữu khác).
17	Phương án làm tròn cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ và phân phối cổ phiếu không được đăng ký thực hiền quyền mua	:	Số lượng cổ phiếu chào bán cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán số cổ phiếu chào bán cho từng cổ đông và cổ phiếu do cổ đông không mua hết, ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu) và quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống, cổ phiếu do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trường hợp phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết đó cho cổ đông hiện hữu khác mà dẫn đến việc cổ đông hiện hữu khác đó sở hữu đến tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết của LDP mà thuộc trường hợp phải chào mua công khai theo quy định pháp luật thì cổ đông hiện hữu khác đó không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế chào bán, HĐQT có thể quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số

			vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế.
18	Điều kiện chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông hiện hữu được quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho tất cả cá nhân khác. Cổ đông sở hữu quyền mua chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 (một) lần, người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Cổ phần do cổ đông không mua hết được HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu khác nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
19	Thời gian dự kiến phát hành	:	Trong năm 2026, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian chào bán phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông và Công ty
20	Sửa đổi Giấy phép hoạt động và Điều lệ sau đợt chào bán	:	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT Công ty tiến hành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty với mức vốn điều lệ tăng thêm tương ứng theo số cổ phiếu thực tế chào bán.
21	Niêm yết bổ sung và Đăng ký chứng khoán bổ sung		Toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện sẽ được thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phần chào bán trong thời gian sớm nhất, phù hợp với quy định của pháp luật.

22. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu:

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể gây ra rủi ro pha loãng, cụ thể như sau:

(iv) *Pha loãng giá cổ phiếu*

Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá thấp hơn giá thị trường sẽ khiến giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền bị điều chỉnh kỹ thuật theo tính toán của HNX, bị giảm (bị pha loãng) .

(v) Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS)

Lợi nhuận ròng trên một cổ phiếu được tính bằng công thức:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, Chỉ số EPS của Công ty có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại trong khi việc sử dụng vốn huy động được chưa đem lại ngay doanh thu, lợi nhuận.

(vi) Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Việc phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phần được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

II. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thành công 9.364.067 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 93.640.670.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được này cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)	Chi tiết
1	Bù đắp thiếu hụt đầu tư nhà máy LDP CO2 hoặc/và trả cho tổ chức/cá nhân đã cho vay một phần/toàn phần số tiền dự kiến.	90.000.000.000	Hoàn thiện dự án CO2 siêu tới hạn tại Đức Trọng (tổng 157,5 tỷ, đã có 59,29 tỷ từ PHRL).
2	Bổ sung vốn lưu động số tiền còn thừa sau khi thực hiện mục trên.	3.640.670.000	Trả nợ, mua nguyên liệu, bổ sung dòng tiền kinh doanh
Tổng		**93.640.670.000**	

Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình thực tế, có thể quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

III. ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ thống nhất giao/ủy quyền cho HĐQT và HĐQT có thể giao và/hoặc ủy quyền lại cho Người Đại Diện Pháp Luật Công ty thực hiện các công việc sau:

- Quyết định thời gian chào bán và tổ chức triển khai phương án chào bán cổ phiếu;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán cổ phiếu để đảm bảo đợt chào bán được thành công nếu xét thấy cần thiết;
- Quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để việc chào bán theo đúng thủ tục và quy định hiện hành;
- Quyết định phương án xử lý cổ phiếu chào bán không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khác nêu tại Mục I phương án này;
- Quyết định thời gian phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác hoặc hủy;

- Quyết định không phân phối cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được mua hết cho cổ đông hiện hữu khác để kết thúc đợt chào bán, điều chỉnh số lượng cổ phiếu chào bán và số vốn thu được từ đợt chào bán theo thực tế;
- Quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu đợt này, điều chỉnh quy mô vốn, điều chỉnh việc phân bổ vốn cho các mục đích sử dụng vốn phù hợp với số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán, và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty và tiến hành đăng ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu thực tế tăng thêm;
- Sửa đổi, bổ sung các tài liệu có liên quan (bao gồm nhưng không hạn chế việc: quyết định phương án chào bán chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa phương án chào bán chi tiết theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước…) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện việc chào bán cổ phiếu, tăng vốn điều lệ, sửa đổi đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu thực tế chào bán tăng thêm.
- Chủ động triển khai giải ngân, phân bổ vốn, điều chỉnh mục đích sử dụng vốn phù hợp và báo cáo ĐHĐCĐ trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc chào bán cổ phiếu được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Chi tiết theo Tờ trình số 15/TTr-DHTN/2026 ngày 10/04/2026 của Hội đồng quản trị được đính kèm Nghị quyết này.

Điều 10: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) đã được thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông/đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/05/2026.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nơi nhận:
- Cổ đông CTCP Dược Lâm Đồng;
- Các thành viên HĐQT, UBKT;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: VP HĐQT.

PHẠM TRUNG KIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
7.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 41
8.	Phụ lục	42 - 44

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (0263) 381 7937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Tầng trệt và tầng 1, Tòa nhà 76 Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Số 77 Phố Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	6-7 B4 Trịnh Văn Ấn, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu; Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát (chấm dứt hoạt động từ ngày 24/4/2025)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Ủy ban Kiểm toán (hoạt động từ ngày 24/4/2025)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch ủy ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 1.0644/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là "Công ty Bảo Thư") với số tiền là 32.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Đây là khoản tiền mà Công ty đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Công ty và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 03 năm kể từ khi Công ty chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Công ty. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền là 32.500.000.000 VND. Đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và ngày 20 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm đã ban hành Bản án số 08/2025/KDTM-PT và Bản án số 09/2025/KDTM-PT y án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm

Đồng đã ban hành Bản án số 01/2026/KDTM-ST tuyên buộc Công ty Bảo Thư hoàn trả 17.550.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar (là công ty con của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)). Hiện Công ty đã chuyển hồ sơ sang thi hành án để thu hồi công nợ. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hoàng Thái Vương
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1
Người được ủy quyền

Phan Vũ Công Bá
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**232.762.318.554**	**138.992.796.875**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**18.426.255.940**	**11.261.424.880**
1. Tiền	111		11.426.255.940	4.261.424.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.000.000.000**	**4.692.324.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	8.132.580.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(5.440.256.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**153.867.058.429**	**71.553.640.638**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	54.560.358.539	35.456.284.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100.347.192.268	34.276.302.557
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.000.333.300	8.000.333.300
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.429.825.123	2.359.994.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.630.075.745)	(8.539.274.387)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		159.424.944	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**55.421.894.705**	**48.962.000.419**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55.421.894.705	48.962.000.419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.047.109.480**	**2.523.406.938**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.863.589.768	2.075.828.721
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		878.573.176	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	304.946.536	447.578.217
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**74.997.887.611**	**68.164.321.866**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**9.788.550.000**	**162.400.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	9.300.000.000	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	488.550.000	162.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**35.659.572.285**	**39.773.409.103**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	35.659.572.285	39.704.811.854
- *Nguyên giá*	*222*		*100.414.731.718*	*124.320.268.122*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(64.755.159.433)*	*(84.615.456.268)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	68.597.249
- *Nguyên giá*	*228*		*1.749.133.777*	*2.198.133.777*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.749.133.777)*	*(2.129.536.528)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.12**	**2.161.703.103**	**2.270.906.487**
- Nguyên giá	231		4.170.339.679	4.170.339.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.008.636.576)	(1.899.433.192)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.995.038.000**	**2.850.681.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.995.038.000	2.850.681.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**17.737.751.946**	**17.740.035.947**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(262.248.054)	(259.964.053)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.655.272.277**	**5.366.889.329**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.655.272.277	5.366.889.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**307.760.206.165**	**207.157.118.741**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**116.264.563.637**	**107.872.622.506**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**114.484.833.637**	**106.102.892.506**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	30.969.613.851	31.544.895.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.983.398.267	733.950.194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.563.102.872	990.363.739
4. Phải trả người lao động	314	V.18	7.341.632.071	7.536.730.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	10.950.618.113	7.683.875.760
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	134.181.816	134.181.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	2.265.919.788	1.938.596.095
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	56.974.181.156	55.026.209.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	302.185.703	514.089.303
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.779.730.000**	**1.769.730.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.779.730.000	1.769.730.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**191.495.642.528**	**99.284.496.235**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**191.495.642.528**	**99.284.496.235**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	187.281.670.000	127.031.670.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*187.281.670.000*	*127.031.670.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	4.203.400.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	-	24.348.384.362
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	10.892.528	(52.095.238.127)
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(28.546.853.765)*	*(52.095.238.127)*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*28.557.746.293*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**307.760.206.165**	**207.157.118.741**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245.581.027.117	218.430.916.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.674.701.651	473.159.410
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		243.906.325.466	217.957.757.303
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	162.674.190.305	153.567.357.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.232.135.161	64.390.399.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	976.814.714	330.896.817
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.058.969.398	7.043.016.182
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.160.159.367	4.978.613.417
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	39.582.068.850	30.928.157.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.187.508.473	20.179.446.170
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.380.403.154	6.570.676.924
11. Thu nhập khác	31	VI.8	15.384.537.957	583.253.468
12. Chi phí khác	32	VI.9	64.563.137	234.977.391
13. Lợi nhuận khác	40		15.319.974.820	348.276.077
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.700.377.974	6.918.953.001
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	142.631.681	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.557.746.293	6.918.953.001
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***28.700.377.974***	***6.918.953.001***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12	5.723.686.460	6.964.078.221
-	Các khoản dự phòng	03	V.2a, 2c, 7	2.214.044.359	2.347.446.597
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(14.393.566.001)	(344.802.904)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.160.159.367	4.978.613.417
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***26.404.702.159***	***20.864.288.332***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(77.906.840.325)	(8.904.506.070)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.459.894.286)	(11.210.778.697)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		62.990.970.413	13.960.417.900
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.076.143.995)	(1.370.564.502)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.571.365.000	(2.030.900.000)
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(2.057.536.481)	(1.929.396.024)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(1.011.903.600)	(610.155.008)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***3.454.718.885***	***8.768.405.931***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 10, 13, 15	(63.046.222.505)	(2.930.469.889)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.3, 10, VI.8	-	63.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	354.963.248	281.166.540
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(62.691.259.257)***	***(2.585.666.985)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24	64.453.400.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	143.227.015.096	118.841.525.996
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(141.279.043.664)	(129.775.432.825)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***66.401.371.432***	***(10.933.906.829)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**7.164.831.060**	**(4.751.167.883)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**11.261.424.880**	**16.012.592.763**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	V.1	**18.426.255.940**	**11.261.424.880**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Doanh thu và lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước, chủ yếu tăng trưởng ở doanh thu nhóm hàng sản xuất. Công ty tiếp tục chủ động đẩy mạnh công tác marketing, truyền thông... từ đó gia tăng doanh thu bán hàng ở tất cả các kênh, đặc biệt là kênh chuỗi, kênh bán hàng trên sàn thương mại điện tử...Đồng thời lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã góp phần làm lợi nhuận tăng.

6. Cấu trúc Công ty
Công ty con
Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar có trụ sở chính tại Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Tại ngày kết thúc năm tài chính tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty này là 100%, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương đương tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Tầng trệt và tầng 1, Tòa nhà 76 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Số 77 Phố Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	6-7 B4 Trịnh Văn Ấn, Phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng cho năm trước so sánh được với số liệu cho năm nay.

8. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 261 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 247 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (chỉ có tiền gửi ngân hàng) là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Cổ tức của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay
Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con
Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu
Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con
Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bản quyền phần mềm, chi phí thuê mặt bằng và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí bản quyền phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của hợp đồng.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	04 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Quyền sử dụng đất	42
Nhà	25

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo thời hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng năm, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.

- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia
Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu
Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

19. Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	146.609.000	147.190.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.279.646.940	4.114.234.880
Các khoản tương đương tiền (*Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	**18.426.255.940**	**11.261.424.880**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	-	-	6.101.680.000	608.224.000	(5.440.256.000)
Công ty Cổ phần AAV Group	-	-	-	2.029.100.000	2.202.410.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	-	-	-	1.800.000	2.560.000	-
Cộng	-	-	-	**8.132.580.000**	**2.813.194.000**	**(5.440.256.000)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.440.256.000	4.980.496.000
Trích lập dự phòng bổ sung	120.959.000	459.760.000
Giảm do bán chứng khoán	(5.561.215.000)	-
Số cuối năm	**-**	**5.440.256.000**

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng.

2c. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801479136 ngày 19 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính Tỉnh Lâm Đồng) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty đã đầu tư 18.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 47/NQ-HĐQT/2022 ngày 12 tháng 4 năm 2022. Cho tới thời điểm hiện tại, Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar chưa đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trong năm công ty con không có hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	259.964.053	257.685.815
Trích lập dự phòng bổ sung	2.284.001	2.278.238
Số cuối năm	**262.248.054**	**259.964.053**

Giao dịch với các công ty con

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***1.022.010.001***	***1.192.550.003***
Công ty Cổ phần APG ECO	1.022.010.001	1.192.550.003
Phải thu các khách hàng khác	***53.538.348.538***	***34.263.734.738***
Công ty Cổ phần ATG Planet – tiền bán tài sản cố định	9.402.312.200	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	4.004.300.796	4.118.257.702
Các khách hàng khác	40.131.735.542	30.145.477.036
Cộng	**54.560.358.539**	**35.456.284.741**

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu Công ty Cổ phần ATG Planet tiền bán tài sản cố định.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***6.418.642.366***	***1.110.000.000***
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	1.110.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	1.418.642.366	-
Công ty Cổ phần APC Holdings	5.000.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	***93.928.549.902***	***33.166.302.557***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) (i)	32.500.000.000	32.500.000.000
Công ty Cổ phần ATG Planet (trước đây là Công ty Cổ phần An Trường An) (ii)	59.290.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.138.549.902	666.302.557
Cộng	**100.347.192.268**	**34.276.302.557**

(i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) bao gồm:

- Khoản ứng tiền thực hiện Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt số 0104/2022/HĐTV/LL-LDH ngày 04 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này đã không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty số tiền 20.900.000.000 VND theo Bản án số 08/2025/KDTM-PT ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Tiền đặt cọc thuê đất Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 0504/2022/HDTD/LL-LDP ngày 05 tháng 4 năm 2022 ký với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty số tiền 11.600.000.000 VND theo Bản án số 09/2025/KDTM-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

(ii) Khoản trả trước để thực hiện hợp đồng thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thi công xây lắp đặt (EPC) công trình phân xưởng chiết xuất dược liệu CO2 siêu tới hạn.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Ông Lê Minh Đức vay với lãi suất 12%/năm, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 8.000.333.300 VND (số đầu năm là 8.000.333.300 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản phải thu về cho vay đã được lập dự phòng 70% do quá hạn 02 năm 10 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	1.097.778.518	(768.444.963)	1.097.778.518	(548.889.259)
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	215.484.868	-	1.013.602.020	-
Tạm ứng	-	-	38.400.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	116.561.737	-	210.213.889	-
Cộng	**1.429.825.123**	**(768.444.963)**	**2.359.994.427**	**(548.889.259)**

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH In Di Co	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế PDS	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-
Công ty Cổ phần VKC Holdings	Từ 03 năm trở lên	584.101.610	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	584.101.610	175.230.483
Công ty Cổ phần Sametel	Từ 03 năm trở lên	319.828.370	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	319.828.370	95.948.511
Ông Lê Minh Đức – Phải thu về cho vay	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.000.333.300	2.400.099.991	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.000.333.300	4.000.166.651
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.097.778.518	329.333.555	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.097.778.518	548.889.259
Các cá nhân, tổ chức khác	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-
Cộng		**13.359.509.291**	**2.729.433.546**		**13.359.509.291**	**4.820.234.904**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.539.274.387	6.653.866.028
Trích lập dự phòng bổ sung	2.090.801.358	1.885.408.359
Số cuối năm	**10.630.075.745**	**8.539.274.387**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.982.604.981	-	1.264.221.513	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.049.486.386	-	11.124.858.515	-
Công cụ, dụng cụ	290.814.611	-	254.938.287	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	528.796.620	-	1.597.176.706	-
Thành phẩm	26.723.431.794	-	21.595.267.791	-
Hàng hóa	13.629.006.071	-	12.903.016.917	-
Hàng gửi đi bán	217.754.242	-	222.520.690	-
Cộng	**55.421.894.705**	-	**48.962.000.419**	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	20.711.970	163.997.455
Chi phí sửa chữa	151.493.125	127.153.201
Chi phí bản quyền phần mềm	1.147.246.298	1.143.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	544.138.375	641.678.065
Cộng	**1.863.589.768**	**2.075.828.721**

9b. *Chi phí trả trước dài hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	470.296.323	459.606.715
Tiền thuê đất	1.919.819.074	2.015.810.026
Chi phí thuê mặt bằng	1.953.909.694	2.050.107.418
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	-	108.556.180
Chi phí sửa chữa	2.080.410.335	424.661.552
Các chi phí trả trước dài hạn khác	230.836.851	308.147.438
Cộng	**6.655.272.277**	**5.366.889.329**

Tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.919.819.074 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.603.662.515	50.996.592.533	9.961.355.892	758.657.182	124.320.268.122
Mua trong năm	-	2.204.750.505	2.259.395.000	-	4.464.145.505
Thanh lý trong năm	(139.148.338)	(28.230.533.571)	-	-	(28.369.681.909)
Số cuối năm	**62.464.514.177**	**24.970.809.467**	**12.220.750.892**	**758.657.182**	**100.414.731.718**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.057.378.877	5.243.050.614	7.151.914.075	528.456.682	31.980.800.248
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	38.804.870.627	36.578.002.049	8.633.127.786	599.455.806	84.615.456.268
Khấu hao trong năm	2.391.125.895	2.623.295.094	488.055.392	43.409.446	5.545.885.827
Thanh lý trong năm	(139.148.338)	(25.267.034.324)	-	-	(25.406.182.662)
Số cuối năm	**41.056.848.184**	**13.934.262.819**	**9.121.183.178**	**642.865.252**	**64.755.159.433**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.798.791.888	14.418.590.484	1.328.228.106	159.201.376	39.704.811.854
Số cuối năm	**21.407.665.993**	**11.036.546.648**	**3.099.567.714**	**115.791.930**	**35.659.572.285**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	153.763.777	2.044.370.000	2.198.133.777
Thanh lý trong năm	-	(449.000.000)	(449.000.000)
Số cuối năm	**153.763.777**	**1.595.370.000**	**1.749.133.777**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	153.763.777	1.975.772.751	2.129.536.528
Khấu hao trong năm	-	68.597.249	68.597.249
Thanh lý trong năm	-	(449.000.000)	(449.000.000)
Số cuối năm	**153.763.777**	**1.595.370.000**	**1.749.133.777**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	68.597.249	68.597.249
Số cuối năm	-	-	-
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
Số cuối năm	**2.706.715.000**	**1.463.624.679**	**4.170.339.679**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	338.715.502	338.715.502
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	706.216.103	1.193.217.089	1.899.433.192
Khấu hao trong năm	64.207.020	44.996.364	109.203.384
Số cuối năm	**770.423.123**	**1.238.213.453**	**2.008.636.576**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.000.498.897	270.407.590	2.270.906.487
Số cuối năm	**1.936.291.877**	**225.411.226**	**2.161.703.103**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện. Dựa vào tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.706.715.000	770.423.123	1.936.291.877
Nhà	1.463.624.679	1.238.213.453	225.411.226
Cộng	**4.170.339.679**	**2.008.636.576**	**2.161.703.103**

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.926.271.877 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí triển khai phần mềm	822.681.000	2.172.357.000	-	2.995.038.000
Mua xe ô tô 7 chỗ	2.028.000.000	231.395.000	(2.259.395.000)	-
Cộng	**2.850.681.000**	**2.403.752.000**	**(2.259.395.000)**	**2.995.038.000**

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay (i)	14.570.834.683	17.688.674.887
Lỗ tính thuế	-	29.639.310.856
Cộng	**14.570.834.683**	**47.327.985.743**

(i) Chi tiết chi phí lãi vay được chuyển như sau:

Năm 2022	7.544.242.437
Năm 2023	7.026.592.246
Cộng	**14.570.834.683**

Theo quy định tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***862.500.000***	***1.238.470.000***
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	162.500.000	162.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	-	350.220.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	25.750.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	***30.107.113.851***	***30.306.425.647***
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang	4.157.437.804	5.568.006.897
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	3.424.382.835	4.191.751.422
Các nhà cung cấp khác	22.525.293.212	20.546.667.328
Cộng	**30.969.613.851**	**31.544.895.647**

Trong đó, số dư khoản phải trả cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 1.151.947.000 VND (số đầu năm là 299.667.000 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch - Thương mại Hoàng Trà	640.886.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	957.352.499	287.117.999
Các khách hàng khác	9.300.609	70.973.036
Cộng	**1.983.398.267**	**733.950.194**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	817.673.125	-	11.617.961.330	(9.031.188.402)	3.404.446.053	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	447.578.217	142.631.681	-	-	304.946.536
Thuế thu nhập cá nhân	172.690.614	-	1.595.320.008	(1.637.055.274)	130.955.348	-
Tiền thuê đất	-	-	710.005.500	(710.005.500)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	42.350.982	(42.350.982)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	245.264.341	(217.562.870)	27.701.471	-
Cộng	**990.363.739**	**447.578.217**	**14.353.533.842**	**(11.638.163.028)**	**3.563.102.872**	**304.946.536**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuốc 05%
- Các hàng hóa, dịch vụ khác (i) 10%

(i) Năm 2025, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng theo các Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo các Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.700.377.974	6.918.953.001
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- *Chi phí lãi vay được chuyển*	*(3.067.642.589)*	*(772.213.730)*
- *Các khoản điều chỉnh tăng khác*	*4.719.733.875*	*2.776.754.607*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	*(101.082.582)*
Thu nhập chịu thuế	30.352.469.260	8.822.411.296
Lỗ các năm trước được chuyển	(29.639.310.856)	(8.822.411.296)
Thu nhập tính thuế	713.158.404	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**142.631.681**	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động
Tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.341.632.071 VND (số đầu năm là 7.536.730.224 VND).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu	7.798.974.000	5.698.146.000
Chi phí lãi vay ngân hàng	7.290.922	5.496.036
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	708.194.612	630.194.612
Chi phí bán hàng	1.188.658.579	1.262.439.112
Chi phí chào bán cổ phiếu	1.165.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	82.500.000	87.600.000
Cộng	**10.950.618.113**	**7.683.875.760**

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn
Doanh thu cho thuê mặt bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 134.181.816 VND (số đầu năm là 134.181.820 VND).

21. Phải trả khác
21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	58.930.000	152.932.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.117.326.004	1.696.000.311
Cộng	**2.265.919.788**	**1.938.596.095**

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	556.500.000	546.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.223.230.000	1.223.230.000
Cộng	**1.779.730.000**	**1.769.730.000**

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (i)	30.464.181.156	27.206.209.724
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán (ii)	26.510.000.000	27.820.000.000
Cộng	**56.974.181.156**	**55.026.209.724**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang theo hợp đồng số 01/2025/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản thế chấp là 56.892.626.148 VND theo biên bản định giá lại ngày 05 tháng 6 năm 2025 (xem thuyết minh số V.9b và V.12).

(ii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Công ty công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 Công ty đã phát hành Công văn số 360/CV-LDP/2022 về việc thông báo phương án thanh toán cho nhà đầu tư. Theo Công văn này, Công ty sẽ tiến hành thủ tục mua lại trái phiếu trước hạn trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thông báo hủy phát hành trái phiếu LDPH2223001. Công ty cam kết thanh toán thực hiện các nghĩa vụ gốc, lãi đối với trái chủ đến thời điểm mua lại trái phiếu.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2023, Công ty công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2023, Công ty dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, Công ty sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chỉ thỏa thuận được và thanh toán cho 04 nhà đầu tư với số tiền là 3.710.000.000 VND.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.206.209.724	139.203.661.644	(135.945.690.212)	30.464.181.156
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	3.713.353.452	(3.713.353.452)	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	310.000.000	(310.000.000)	-
Trái phiếu thường đến hạn thanh toán	27.820.000.000	-	(1.310.000.000)	26.510.000.000
Cộng	**55.026.209.724**	**143.227.015.096**	**(141.279.043.664)**	**56.974.181.156**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán trừ khoản trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán. (Công ty đang thực hiện việc thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	514.089.303	1.124.244.311
Trích lập quỹ trong năm	800.000.000	-
Chi quỹ trong năm	(1.011.903.600)	(610.155.008)
Số cuối năm	**302.185.703**	**514.089.303**

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Louis Holding	62.117.250.000	64.807.250.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	23.977.000.000
Công ty Cổ phần APC Holding	53.936.000.000	-
Các cổ đông khác	71.228.100.000	38.247.100.000
Cộng	**187.281.350.000**	**127.031.350.000**

Trong năm Công ty đã chào bán 635.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024 và chào bán 8.250.000 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư trong nước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 635.000 cổ phiếu và 5.390.000 cổ phiếu. Công ty đã sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán 635.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động để chi trả tiền mua hàng cho nhà cung cấp và sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán 5.390.000 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư trong nước để ứng tiền đầu tư dự án "xây dựng phân xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO2 siêu tới hạn". Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc tăng vốn điều lệ lên 187.281.670.000 VND.

Số liệu về chi tiết góp vốn cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập ngày 27 tháng 10 năm 2025 và cập nhật theo các Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu Công ty nhận được trong năm 2025.

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.728.167	12.703.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.728.167	12.703.167
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.728.167*	*12.703.167*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	32	32
- *Cổ phiếu phổ thông*	*32*	*32*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.728.135	12.703.135
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.728.135*	*12.703.135*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 800.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 24.348.384.362 VND để bù đắp một phần lỗ lũy kế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

24e. Thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 9.364.067 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 93.640.670.000 VND.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2026.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (Hợp đồng thuê đất của Nhà nước) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.545.774.900	1.553.217.514
Trên 01 năm đến 05 năm	6.183.099.600	6.212.870.056
Trên 05 năm	12.502.824.436	13.937.807.414
Cộng	**20.231.698.936**	**21.703.894.984**

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.651,74 USD (số đầu năm là 66,32 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ phải thu với Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền là 16.090.871 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	81.354.978.929	85.653.267.392
Doanh thu bán thành phẩm	161.421.585.737	130.368.103.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.804.462.451	2.409.545.451
Cộng	**245.581.027.117**	**218.430.916.713**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Trung Kiên	15.620.868	2.770.789
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	11.218.418
Công ty Cổ phần APG ECO	6.691.711.035	4.976.967.122

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong năm nay là 1.674.701.651 VND (năm trước là 473.159.410 VND).

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.781.211.515	80.856.051.399
Giá vốn của thành phẩm đã bán	85.783.775.407	72.602.102.572
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.203.383	109.203.383
Cộng	**162.674.190.305**	**153.567.357.354**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	354.963.248	281.166.540
Chiết khấu/thưởng được hưởng	153.342.435	49.522.327
Thu nhập liên quan tới hoạt động chứng khoán	468.509.031	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	207.950
Cộng	**976.814.714**	**330.896.817**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.059.331.367	1.894.870.417
Chi phí lãi trái phiếu	2.100.828.000	3.083.743.000
Chiết khấu thanh toán	896.526.030	634.334.887
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	-	1.427.789.640
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.284.001	2.278.238
Cộng	**5.058.969.398**	**7.043.016.182**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.120.964.165	17.225.172.160
Chi phí vật liệu, bao bì	617.039.238	519.497.275
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	104.474.231	94.574.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	351.607.896	355.378.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.397.173.750	7.402.799.886
Các chi phí khác	6.990.809.570	5.330.735.479
Cộng	**39.582.068.850**	**30.928.157.490**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.507.544.564	9.723.380.440
Chi phí vật liệu quản lý	113.845.833	58.944.572
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.180.716	22.522.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.249.704	550.105.938
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.090.801.358	1.885.408.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.178.882.420	3.990.032.624
Các chi phí khác	5.769.003.878	3.949.051.290
Cộng	**24.187.508.473**	**20.179.446.170**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.038.602.753	63.636.364
Tiền thu từ hỗ trợ	1.041.408.000	280.232.421
Tiền bồi thường, tiền chiết khấu hàng bán	213.308.978	9.481.156
Thu nhập khác	91.218.226	229.903.527
Cộng	**15.384.537.957**	**583.253.468**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt thuế, hành chính	61.476.336	229.846.188
Chi phí khác	3.086.801	5.131.203
Cộng	**64.563.137**	**234.977.391**

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.411.768.825	76.303.606.914
Chi phí nhân công	53.191.605.407	46.373.827.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.723.686.460	6.964.078.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.711.599.784	18.640.481.482
Chi phí khác	15.693.358.145	12.586.132.054
Cộng	**193.732.018.621**	**160.868.126.292**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng cho thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giá hàng hóa cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	1.638.834.771	622.452.745
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT	220.000.000	120.000.000
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	229.355.000	154.000.000
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	220.000.000	87.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	225.613.000	106.500.000
Các Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm		-	66.000.000
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban Kiểm soát	87.666.667	120.000.000
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát	68.833.333	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban kiểm soát	68.833.333	60.000.000
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên Ủy ban kiểm toán	18.000.000	-
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.990.367.691	1.750.777.889
Ông Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	896.975.556	821.184.000
Cộng		**5.694.479.351**	**3.967.914.634**

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cổ đông sở hữu 33,17% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần APC Holdings	Cổ đông sở hữu 28,80% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar	Công ty con
Công ty Cổ phần APG ECO	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Cổ đông sở hữu 18,87% vốn điều lệ (đến ngày 03 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Công ty có cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)

Giao dịch với các bên liên quan khác
Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Lương thực Angimex		
Mua hàng	-	564.844.810
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF		
Mua hàng	369.849.378	318.381.817
Ứng trước tiền mua hàng	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG		
Ứng trước phí dịch vụ phát hành cổ phiếu	-	1.110.000.000
Công ty Cổ phần APC Holdings		
Ứng trước tiền mua hàng	5.000.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh sản xuất: sản xuất thuốc, dược liệu.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ cho thuê tài sản, hợp tác kinh doanh.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số V.24e, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền	**Phạm Trung Kiên**
Kế toán trưởng/Người lập	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	127.031.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	6.918.953.001	6.918.953.001
Số dư cuối năm trước	**127.031.670.000**	**-**	**(320.000)**	**24.348.384.362**	**(52.095.238.127)**	**99.284.496.235**
Số dư đầu năm nay	127.031.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(52.095.238.127)	99.284.496.235
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	60.250.000.000	4.203.400.000	-	-	-	64.453.400.000
Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận	-	-	-	(24.348.384.362)	24.348.384.362	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.557.746.293	28.557.746.293
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư cuối năm nay	**187.281.670.000**	**4.203.400.000**	**(320.000)**	**-**	**10.892.528**	**191.495.642.528**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	80.965.788.382	160.136.074.633	2.804.462.451	243.906.325.466
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***80.965.788.382***	***160.136.074.633***	***2.804.462.451***	***243.906.325.466***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.184.576.867	74.352.299.226	2.695.259.068	81.232.135.161
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(63.769.577.323)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				17.462.557.838
Doanh thu hoạt động tài chính				976.814.714
Chi phí tài chính				(5.058.969.398)
Thu nhập khác				15.384.537.957
Chi phí khác				(64.563.137)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(142.631.681)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***28.557.746.293***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	***4.608.582.505***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	***7.287.203.084***

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***85.637.336.871***	***129.910.874.981***	***2.409.545.451***	***217.957.757.303***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.781.285.472	57.308.772.409	2.300.342.068	64.390.399.949
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.107.603.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.282.796.289
Doanh thu hoạt động tài chính				330.896.817
Chi phí tài chính				(7.043.016.182)
Thu nhập khác				583.253.468
Chi phí khác				(234.977.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***6.918.953.001***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	***2.930.469.889***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	***8.379.359.579***

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng / Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4.	Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
7.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 43
8.	Phụ lục	44 - 46

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000047, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định số 604/TB-SGDCKHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (0263) 381 7937

Công ty có các đơn vị trực thuộc: 3 chi nhánh ngoài tỉnh và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Miền Nam – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Tầng trệt và tầng 1, Tòa nhà 76 Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Miền Bắc – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Số 77 Phố Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội
Chi nhánh Miền Tây – Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	6-7 B4 Trịnh Văn Ấn, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang
Các chi nhánh, địa điểm kinh doanh khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu; Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.

Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát (chấm dứt hoạt động từ ngày 24/4/2025)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Ủy ban Kiểm toán (hoạt động từ ngày 24/4/2025)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch ủy ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 12 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kdtv@a-c.com.vn
Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kdtvhn@a-c.com.vn
Central Region Branch : Lot STH 09-01, Road 13, La Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kdtv.nt@a-c.com.vn
Southwest Branch : 15-13 Va Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4585 kdtv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 1.0645/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Tập đoàn có khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (sau đây gọi tắt là "Công ty Bảo Thư") với số tiền là 50.050.000.000 VND (xem thuyết minh số V.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Đây là khoản tiền mà Tập đoàn đã thực hiện đầu tư theo Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt và Hợp đồng cho thuê Quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 ký kết giữa Tập đoàn và Công ty Bảo Thư. Tuy nhiên, đã sau hơn 03 năm kể từ khi Tập đoàn chuyển tiền đầu tư, cả hai dự án đều không thực hiện được và Công ty Bảo Thư vẫn chưa thanh toán lại khoản tiền trên cho Tập đoàn. Ngày 18 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân Thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm đã ban hành Bản án số 01/2025/KDTM-ST và Bản án số 02/2025/KDTM-ST buộc Công ty Bảo Thư có trách nhiệm trả lại cho Tập đoàn số tiền là 50.050.000.000 VND. Đến ngày 11 tháng 6 năm 2025 và ngày 20 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm đã ban hành Bản án số 08/2025/KDTM-PT và Bản án số 09/2025/KDTM-PT y án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 02 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 15 - Lâm Đồng đã ban hành Bản án số 01/2026/KDTM-ST tuyên buộc Công ty Bảo Thư hoàn trả 17.550.000.000 VND cho Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar (là công ty con của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)). Hiện Tập đoàn đã chuyển hồ sơ sang thi hành án để thu hồi công nợ. Tuy nhiên với những tài liệu và thông tin hiện có, chúng tôi chưa đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi và các tổn thất (nếu có) của khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Hoàng Thái Vượng	**Phan Vũ Công Bá**
Thành viên Ban Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1*
Người được ủy quyền	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**250.500.070.500**	**156.732.832.822**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**18.614.007.886**	**11.451.460.827**
1. Tiền	111		11.614.007.886	4.451.460.827
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.000.000.000**	**4.692.324.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	8.132.580.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(5.440.256.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**171.417.058.429**	**89.103.640.638**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	54.560.358.539	35.456.284.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	117.897.192.268	51.826.302.557
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	8.000.333.300	8.000.333.300
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	1.429.825.123	2.359.994.427
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.630.075.745)	(8.539.274.387)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		159.424.944	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**55.421.894.705**	**48.962.000.419**
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55.421.894.705	48.962.000.419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.047.109.480**	**2.523.406.938**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.863.589.768	2.075.828.721
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		878.573.176	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	304.946.536	447.578.217
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**57.260.135.665**	**50.424.285.919**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**9.788.550.000**	**162.400.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		9.300.000.000	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	488.550.000	162.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**35.659.572.285**	**39.773.409.103**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	35.659.572.285	39.704.811.854
- *Nguyên giá*	*222*		*100.414.731.718*	*124.320.268.122*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(64.755.159.433)*	*(84.615.456.268)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	68.597.249
- *Nguyên giá*	*228*		*1.749.133.777*	*2.198.133.777*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.749.133.777)*	*(2.129.536.528)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.12**	**2.161.703.103**	**2.270.906.487**
- Nguyên giá	231		4.170.339.679	4.170.339.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.008.636.576)	(1.899.433.192)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.995.038.000**	**2.850.681.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.995.038.000	2.850.681.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.655.272.277**	**5.366.889.329**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	6.655.272.277	5.366.889.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**307.760.206.165**	**207.157.118.741**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**116.264.563.637**	**107.872.622.506**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**114.484.833.637**	**106.102.892.506**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	30.969.613.851	31.544.895.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.983.398.267	733.950.194
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	3.563.102.872	990.363.739
4. Phải trả người lao động	314	V.18	7.341.632.071	7.536.730.224
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	10.950.618.113	7.683.875.760
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	134.181.816	134.181.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	2.265.919.788	1.938.596.095
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	56.974.181.156	55.026.209.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	302.185.703	514.089.303
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.779.730.000**	**1.769.730.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	1.779.730.000	1.769.730.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**191.495.642.528**	**99.284.496.235**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**191.495.642.528**	**99.284.496.235**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	187.281.670.000	127.031.670.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*187.281.670.000*	*127.031.670.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.203.400.000	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	-	24.348.384.362
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	10.892.528	(52.095.238.127)
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(28.546.853.765)*	*(52.095.238.127)*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*28.557.746.293*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**307.760.206.165**	**207.157.118.741**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	245.581.027.117	218.430.916.713
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.674.701.651	473.159.410
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		243.906.325.466	217.957.757.303
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	162.674.190.305	153.567.357.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.232.135.161	64.390.399.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	977.190.713	331.278.579
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.056.685.397	7.040.737.944
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.160.159.367	4.978.613.417
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	39.582.068.850	30.928.157.490
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.190.168.473	20.182.106.170
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.380.403.154	6.570.676.924
12. Thu nhập khác	31	VI.8	15.384.537.957	583.253.468
13. Chi phí khác	32	VI.9	64.563.137	234.977.391
14. Lợi nhuận khác	40		15.319.974.820	348.276.077
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.700.377.974	6.918.953.001
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	142.631.681	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.557.746.293	6.918.953.001
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	*61*		*28.557.746.293*	*6.918.953.001*
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	*62*		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.030	545
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.030	545

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***28.700.377.974***	***6.918.953.001***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, 11, 12	5.723.686.460	6.964.078.221
- Các khoản dự phòng	03	V.2a, 7	2.211.760.358	2.345.168.359
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(14.393.942.000)	(345.184.666)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4.160.159.367	4.978.613.417
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***26.402.042.159***	***20.861.628.332***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.616.840.325)	(8.904.506.070)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.459.894.286)	(11.210.778.697)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.700.970.413	13.960.417.900
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.076.143.995)	(1.370.564.502)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.571.365.000	(2.030.900.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(2.057.536.481)	(1.929.396.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.23	(1.011.903.600)	(610.155.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***3.452.058.885***	***8.765.745.931***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, 10, 13, 15	(63.046.222.505)	(2.930.469.889)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.3, 10, VI.8	-	63.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	355.339.247	281.548.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(62.690.883.258)***	***(2.585.285.223)***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.24	64.453.400.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.22	143.227.015.096	118.841.525.996
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.22	(141.279.043.664)	(129.775.432.825)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***66.401.371.432***	***(10.933.906.829)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**7.162.547.059**	**(4.753.446.121)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**11.451.460.827**	**16.204.906.948**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**18.614.007.886**	**11.451.460.827**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Doanh thu và lợi nhuận năm nay tăng so với năm trước, chủ yếu tăng trưởng ở doanh thu nhóm hàng sản xuất. Tập đoàn tiếp tục chủ động đẩy mạnh công tác marketing, truyền thông... từ đó gia tăng doanh thu bán hàng ở tất cả các kênh, đặc biệt là kênh chuỗi, kênh bán hàng trên sàn thương mại điện tử...Đồng thời lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã góp phần làm lợi nhuận tăng.

6. Cấu trúc Tập đoàn
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con được hợp nhất
Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Nước giải khát Thảo dược Ladophar có trụ sở chính tại Số 18, Đường Ngô Quyền, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 261 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 247 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính (chỉ có tiền gửi ngân hàng) được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Cổ tức của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay
Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bản quyền phần mềm, chi phí thuê mặt bằng và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bản quyền phần mềm

Chi phí bản quyền phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của hợp đồng.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (48 năm).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Quyền sử dụng đất	42
Nhà	25

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	146.609.000	147.190.000
Tiền gửi ngân hàng	11.467.398.886	4.304.270.827
Các khoản tương đương tiền (*Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng*)	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	**18.614.007.886**	**11.451.460.827**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	-	-	6.101.680.000	608.224.000	(5.440.256.000)
Công ty Cổ phần AAV Group	-	-	-	2.029.100.000	2.202.410.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM	-	-	-	1.800.000	2.560.000	-
Cộng	**-**	**-**	**-**	**8.132.580.000**	**2.813.194.000**	**(5.440.256.000)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.440.256.000	4.980.496.000
Trích lập dự phòng bổ sung	120.959.000	459.760.000
Giảm do bán chứng khoán	(5.561.215.000)	-
Số cuối năm	**-**	**5.440.256.000**

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	***1.022.010.001***	***1.192.550.003***
Công ty Cổ phần APG ECO	1.022.010.001	1.192.550.003
Phải thu các khách hàng khác	***53.538.348.538***	***34.263.734.738***
Công ty Cổ phần ATG Planet – tiền bán tài sản cố định	9.402.312.200	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	4.004.300.796	4.118.257.702
Các khách hàng khác	40.131.735.542	30.145.477.036
Cộng	**54.560.358.539**	**35.456.284.741**

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Khoản phải thu Công ty Cổ phần ATG Planet tiền bán tài sản cố định.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***6.418.642.366***	***1.110.000.000***
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	1.110.000.000
Công ty Cổ phần APC Holdings	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	1.418.642.366	-
Trả trước cho các người bán khác	***111.478.549.902***	***50.716.302.557***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) (i)	50.050.000.000	50.050.000.000
Công ty Cổ phần ATG Planet (trước đây là Công ty Cổ phần An Trường An) (ii)	59.290.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.138.549.902	666.302.557
Cộng	**117.897.192.268**	**51.826.302.557**

(i) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (trước đây là Công ty Cổ phần Louis Land) bao gồm:

- Khoản ứng tiền thực hiện Hợp đồng ủy thác thực hiện tư vấn phát triển Dự án Trung tâm thương mại Nguyễn Kim Đà Lạt số 0104/2022/HĐTV/LL-LDH ngày 04 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này đã không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty số tiền 20.900.000.000 VND theo Bản án số 08/2025/KDTM-PT ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Tiền đặt cọc thuê đất Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 0504/2022/HDTD/LL-LDP ngày 05 tháng 4 năm 2022 ký với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không được thực hiện và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty số tiền 11.600.000.000 VND theo Bản án số 09/2025/KDTM-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Khoản trả trước đợt 1 tiền thuê đất Cụm công nghiệp Hải Thắng 1 cho thuê quyền sử dụng đất số 010/2022/HDTD/LL-LDP ngày 14 tháng 4 năm 2023 với Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư). Tuy nhiên, dự án này cũng không thực hiện được và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư có trách nhiệm phải hoàn trả cho Tập đoàn với số tiền còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 17.550.000.000 VND.

(ii) Khoản trả trước để thực hiện hợp đồng thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện và thi công xây lắp đặt (EPC) công trình phân xưởng chiết xuất dược liệu CO2 siêu tới hạn.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cho Ông Lê Minh Đức vay với lãi suất 12%/năm, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 8.000.333.300 VND (số đầu năm là 8.000.333.300 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 khoản phải thu về cho vay đã được lập dự phòng 70% do quá hạn 02 năm 10 tháng.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	1.097.778.518	(768.444.963)	1.097.778.518	(548.889.259)
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	215.484.868	-	1.013.602.020	-
Tạm ứng	-	-	38.400.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	116.561.737	-	210.213.889	-
Cộng	**1.429.825.123**	**(768.444.963)**	**2.359.994.427**	**(548.889.259)**

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ quá hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH In Di Co	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-	Từ 03 năm trở lên	2.635.337.320	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế PDS	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-	Từ 03 năm trở lên	625.202.434	-
Công ty Cổ phần VKC Holdings	Từ 03 năm trở lên	584.101.610	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	584.101.610	175.230.483
Công ty Cổ phần Sametel	Từ 03 năm trở lên	319.828.370	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	319.828.370	95.948.511
Ông Lê Minh Đức – Phải thu về cho vay	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	8.000.333.300	2.400.099.991	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.000.333.300	4.000.166.651
Ông Lê Minh Đức – Lãi cho vay	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.097.778.518	329.333.555	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.097.778.518	548.889.259
Các cá nhân, tổ chức khác	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-	Từ 03 năm trở lên	96.927.739	-
Cộng		**13.359.509.291**	**2.729.433.546**		**13.359.509.291**	**4.820.234.904**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.539.274.387	6.653.866.028
Trích lập dự phòng bổ sung	2.090.801.358	1.885.408.359
Số cuối năm	**10.630.075.745**	**8.539.274.387**

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.982.604.981	-	1.264.221.513	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.049.486.386	-	11.124.858.515	-
Công cụ, dụng cụ	290.814.611	-	254.938.287	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	528.796.620	-	1.597.176.706	-
Thành phẩm	26.723.431.794	-	21.595.267.791	-
Hàng hóa	13.629.006.071	-	12.903.016.917	-
Hàng gửi đi bán	217.754.242	-	222.520.690	-
Cộng	**55.421.894.705**	**-**	**48.962.000.419**	**-**

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	20.711.970	163.997.455
Chi phí sửa chữa	151.493.125	127.153.201
Chi phí bản quyền phần mềm	1.147.246.298	1.143.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	544.138.375	641.678.065
Cộng	**1.863.589.768**	**2.075.828.721**

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	470.296.323	459.606.715
Tiền thuê đất	1.919.819.074	2.015.810.026
Chi phí thuê mặt bằng	1.953.909.694	2.050.107.418
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	-	108.556.180
Chi phí sửa chữa	2.080.410.335	424.661.552
Các chi phí trả trước dài hạn khác	230.836.851	308.147.438
Cộng	**6.655.272.277**	**5.366.889.329**

Tiền thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.919.819.074 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	62.603.662.515	50.996.592.533	9.961.355.892	758.657.182	124.320.268.122
Mua trong năm	-	2.204.750.505	2.259.395.000	-	4.464.145.505
Thanh lý trong năm	(139.148.338)	(28.230.533.571)	-	-	(28.369.681.909)
Số cuối năm	**62.464.514.177**	**24.970.809.467**	**12.220.750.892**	**758.657.182**	**100.414.731.718**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.057.378.877	5.243.050.614	7.151.914.075	528.456.682	31.980.800.248
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	38.804.870.627	36.578.002.049	8.633.127.786	599.455.806	84.615.456.268
Khấu hao trong năm	2.391.125.895	2.623.295.094	488.055.392	43.409.446	5.545.885.827
Thanh lý trong năm	(139.148.338)	(25.267.034.324)	-	-	(25.406.182.662)
Số cuối năm	**41.056.848.184**	**13.934.262.819**	**9.121.183.178**	**642.865.252**	**64.755.159.433**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.798.791.888	14.418.590.484	1.328.228.106	159.201.376	39.704.811.854
Số cuối năm	**21.407.665.993**	**11.036.546.648**	**3.099.567.714**	**115.791.930**	**35.659.572.285**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	153.763.777	2.044.370.000	2.198.133.777
Thanh lý trong năm	-	(449.000.000)	(449.000.000)
Số cuối năm	**153.763.777**	**1.595.370.000**	**1.749.133.777**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	153.763.777	1.595.370.000	1.749.133.777
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	153.763.777	1.975.772.751	2.129.536.528
Khấu hao trong năm	-	68.597.249	68.597.249
Thanh lý trong năm	-	(449.000.000)	(449.000.000)
Số cuối năm	**153.763.777**	**1.595.370.000**	**1.749.133.777**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	68.597.249	68.597.249
Số cuối năm	**-**	**-**	**-**
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.706.715.000	1.463.624.679	4.170.339.679
Số cuối năm	**2.706.715.000**	**1.463.624.679**	**4.170.339.679**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	338.715.502	338.715.502
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	706.216.103	1.193.217.089	1.899.433.192
Khấu hao trong năm	64.207.020	44.996.364	109.203.384
Số cuối năm	**770.423.123**	**1.238.213.453**	**2.008.636.576**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.000.498.897	270.407.590	2.270.906.487
Số cuối năm	**1.936.291.877**	**225.411.226**	**2.161.703.103**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện. Dựa vào tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám Đốc Công ty mẹ tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	2.706.715.000	770.423.123	1.936.291.877
Nhà	1.463.624.679	1.238.213.453	225.411.226
Cộng	**4.170.339.679**	**2.008.636.576**	**2.161.703.103**

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.926.271.877 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (xem thuyết minh số V.22).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí triển khai phần mềm	822.681.000	2.172.357.000	-	2.995.038.000
Mua xe ô tô 7 chỗ	2.028.000.000	231.395.000	(2.259.395.000)	-
Cộng	**2.850.681.000**	**2.403.752.000**	**(2.259.395.000)**	**2.995.038.000**

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

14a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay (i)	14.570.834.683	17.688.674.887
Lỗ tính thuế	-	29.899.274.909
Cộng	**14.570.834.683**	**47.587.949.796**

(i) Chi tiết chi phí lãi vay được chuyển như sau:

Năm 2022	7.544.242.437
Năm 2023	7.026.592.246
Cộng	**14.570.834.683**

Theo quy định tại Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***862.500.000***	***1.238.470.000***
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	162.500.000	162.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	-	350.220.000
Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	25.750.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	***30.107.113.851***	***30.306.425.647***
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang	4.157.437.804	5.568.006.897
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	3.424.382.835	4.191.751.422
Các nhà cung cấp khác	22.525.293.212	20.546.667.328
Cộng	**30.969.613.851**	**31.544.895.647**

Trong đó, số dư khoản phải trả cho người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 1.151.947.000 VND (số đầu năm là 299.667.000 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch - Thương mại Hoàng Trà	640.886.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thành Đạt	375.859.159	375.859.159
Công ty Cổ phần Dược phẩm FPT Long Châu	957.352.499	287.117.999
Các khách hàng khác	9.300.609	70.973.036
Cộng	**1.983.398.267**	**733.950.194**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	817.673.125	-	11.617.961.330	(9.031.188.402)	3.404.446.053	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	447.578.217	142.631.681	-	-	304.946.536
Thuế thu nhập cá nhân	172.690.614	-	1.595.320.008	(1.637.055.274)	130.955.348	-
Tiền thuê đất	-	-	710.005.500	(710.005.500)	-	-
Thuế nhà đất	-	-	42.350.982	(42.350.982)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	247.264.341	(219.562.870)	27.701.471	-
Cộng	**990.363.739**	**447.578.217**	**14.355.533.842**	**(11.640.163.028)**	**3.563.102.872**	**304.946.536**

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các hàng hóa có số đăng ký thuốc 05%
- Các hàng hóa, dịch vụ khác [1] 10%

(i) Năm 2025, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng theo các Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo các Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.700.377.974	6.918.953.001
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- *Chi phí lãi vay được chuyển*	*(3.067.642.589)*	*(772.213.730)*
- *Các khoản điều chỉnh tăng khác*	*4.981.981.929*	*2.776.754.607*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	*(101.082.582)*
Thu nhập chịu thuế	30.614.717.314	8.822.411.296
Lỗ các năm trước được chuyển	(29.901.558.910)	(8.822.411.296)
Thu nhập tính thuế	713.158.404	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**142.631.681**	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.341.632.071 VND (số đầu năm là 7.536.730.224 VND).

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi trái phiếu	7.798.974.000	5.698.146.000
Chi phí lãi vay ngân hàng	7.290.922	5.496.036
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	708.194.612	630.194.612
Chi phí bán hàng	1.188.658.579	1.262.439.112
Chi phí chào bán cổ phiếu	1.165.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	82.500.000	87.600.000
Cộng	**10.950.618.113**	**7.683.875.760**

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê mặt bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 134.181.816 VND (số đầu năm là 134.181.820 VND).

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	58.930.000	152.932.000
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.117.326.004	1.696.000.311
Cộng	**2.265.919.788**	**1.938.596.095**

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	556.500.000	546.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.223.230.000	1.223.230.000
Cộng	**1.779.730.000**	**1.769.730.000**

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang (i)	30.464.181.156	27.206.209.724
Trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán (ii)	26.510.000.000	27.820.000.000
Cộng	**56.974.181.156**	**55.026.209.724**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc An Giang theo hợp đồng số 01/2025/590445/HĐTD để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất với tổng giá trị tài sản thế chấp là 56.892.626.148 VND theo biên bản định giá lại ngày 05 tháng 6 năm 2025 (xem thuyết minh số V.9b và V.12).

(ii) Ngày 14 tháng 4 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 50/NQ-HĐQT/LDP-2022, Tập đoàn công bố phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản kỳ hạn 12 tháng, mệnh giá 100.000 VND, lãi suất 12%/năm được phát hành cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được phép mua trái phiếu theo quy định của pháp luật Việt Nam để bổ sung vốn thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng nhà máy nước giải khát và bổ sung vốn cho các hoạt động khác. Tổng giá trị phát hành tối đa là 300.000.000.000 VND.

Đến ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 62/NQ-HĐQT/2022, Hội đồng quản trị đã thông qua việc đóng gói trái phiếu LDPH2223001 phát hành ngày 18 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu, chủ động sử dụng các nguồn vốn để chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 Tập đoàn đã phát hành Công văn số 360/CV-LDP/2022 về việc thông báo phương án thanh toán cho nhà đầu tư. Theo Công văn này, Tập đoàn sẽ tiến hành thủ tục mua lại trái phiếu trước hạn trong vòng 40 ngày kể từ ngày phát hành thông báo hủy phát hành trái phiếu LDPH2223001. Tập đoàn cam kết thanh toán thực hiện các nghĩa vụ gốc, lãi đối với trái chủ đến thời điểm mua lại trái phiếu.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT/2023, Tập đoàn công bố phương án thanh toán lãi trái phiếu LDPH2223001 từ thời điểm hủy kết quả phát hành đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2023, Tập đoàn dự kiến sẽ thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán, Tập đoàn sẽ thanh toán định kỳ phần gốc thành từng giai đoạn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn chỉ thỏa thuận được và thanh toán cho 04 nhà đầu tư với số tiền là 3.710.000.000 VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	27.206.209.724	139.203.661.644	(135.945.690.212)	30.464.181.156
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	3.713.353.452	(3.713.353.452)	-
Vay ngắn hạn cá nhân	-	310.000.000	(310.000.000)	-
Trái phiếu thường đến hạn thanh toán	27.820.000.000	-	(1.310.000.000)	26.510.000.000
Cộng	**55.026.209.724**	**143.227.015.096**	**(141.279.043.664)**	**56.974.181.156**

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán trừ khoản trái phiếu thường ngắn hạn đến hạn thanh toán. (Tập đoàn đang thực hiện việc thỏa thuận ký kết biên bản với nhà đầu tư về việc chuyển khoản đầu tư trái phiếu thành khoản nợ phải thanh toán).

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	514.089.303	1.124.244.311
Trích lập quỹ trong năm	800.000.000	-
Chi quỹ trong năm	(1.011.903.600)	(610.155.008)
Số cuối năm	**302.185.703**	**514.089.303**

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Louis Holding	62.117.250.000	64.807.250.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	23.977.000.000
Công ty Cổ phần APC Holding	53.936.000.000	-
Các cổ đông khác	71.228.100.000	38.247.100.000
Cộng	**187.281.350.000**	**127.031.350.000**

Trong năm Công ty mẹ đã chào bán 635.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2024 ngày 10 tháng 4 năm 2024 và chào bán 8.250.000 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư trong nước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 635.000 cổ phiếu và 5.390.000 cổ phiếu. Công ty mẹ đã sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán 635.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho người lao động để chi trả tiền mua hàng cho nhà cung cấp và sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán 5.390.000 cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư trong nước để ứng tiền đầu tư dự án "xây dựng phân xưởng chiết xuất dược liệu bằng công nghệ CO2 siêu tới hạn". Công ty mẹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc tăng vốn điều lệ lên 187.281.670.000 VND.

Số liệu về chi tiết góp vốn cập nhật theo danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng Tập đoàn lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập ngày 27 tháng 10 năm 2025 và cập nhật theo các Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu Công ty mẹ nhận được trong năm 2025.

24c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.728.167	12.703.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.728.167	12.703.167
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.728.167*	*12.703.167*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	32	32
- *Cổ phiếu phổ thông*	*32*	*32*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.728.135	12.703.135
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.728.135*	*12.703.135*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 800.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Ngoài ra, Công ty mẹ còn dùng toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 24.348.384.362 VND để bù đắp một phần lỗ lũy kế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

24e. Thông tin về việc phát hành thêm cổ phiếu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ/LDP/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 9.364.067 cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 93.640.670.000 VND.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2026.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (Hợp đồng thuê đất của Nhà nước) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.545.774.900	1.553.217.514
Trên 01 năm đến 05 năm	6.183.099.600	6.212.870.056
Trên 05 năm	12.502.824.436	13.937.807.414
Cộng	**20.231.698.936**	**21.703.894.984**

25b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.651,74 USD (số đầu năm là 66,32 USD).

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu với Nhà thuốc Hoàng Kim Tuyền là 16.090.871 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	81.354.978.929	85.653.267.392
Doanh thu bán thành phẩm	161.421.585.737	130.368.103.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.804.462.451	2.409.545.451
Cộng	**245.581.027.117**	**218.430.916.713**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Phạm Trung Kiên	15.620.868	2.770.789
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	11.218.418
Công ty Cổ phần APG ECO	6.691.711.035	4.976.967.122

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại trong năm này là 1.674.701.651 VND (năm trước là 473.159.410 VND).

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.781.211.515	80.856.051.399
Giá vốn của thành phẩm đã bán	85.783.775.407	72.602.102.572
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	109.203.383	109.203.383
Cộng	**162.674.190.305**	**153.567.357.354**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	355.339.247	281.548.302
Chiết khấu/thưởng được hưởng	153.342.435	49.522.327
Doanh thu tài chính khác	468.509.031	207.950
Cộng	**977.190.713**	**331.278.579**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.059.331.367	1.894.870.417
Chi phí lãi trái phiếu	2.100.828.000	3.083.743.000
Chiết khấu thanh toán	896.526.030	634.334.887
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	-	1.427.789.640
Cộng	**5.056.685.397**	**7.040.737.944**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.120.964.165	17.225.172.160
Chi phí vật liệu, bao bì	617.039.238	519.497.275
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	104.474.231	94.574.090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	351.607.896	355.378.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.397.173.750	7.402.799.886
Các chi phí khác	6.990.809.570	5.330.735.479
Cộng	**39.582.068.850**	**30.928.157.490**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.507.544.564	9.723.380.440
Chi phí vật liệu quản lý	113.845.833	58.944.572
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.180.716	22.522.947
Chi phí khấu hao tài sản cố định	481.249.704	550.105.938
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.090.801.358	1.885.408.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.179.542.420	3.990.692.624
Các chi phí khác	5.771.003.878	3.951.051.290
Cộng	**24.190.168.473**	**20.182.106.170**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	14.038.602.753	63.636.364
Tiền thu từ hỗ trợ	1.041.408.000	280.232.421
Tiền bồi thường, tiền chiết khấu hàng bán	213.308.978	9.481.156
Thu nhập khác	91.218.226	229.903.527
Cộng	**15.384.537.957**	**583.253.468**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt thuế, hành chính	61.476.336	229.846.188
Chi phí khác	3.086.801	5.131.203
Cộng	**64.563.137**	**234.977.391**

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.557.746.293	6.918.953.001
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	28.557.746.293	6.918.953.001
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.069.147	12.703.135
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**2.030**	**545**

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.411.768.825	76.303.606.914
Chi phí nhân công	53.191.605.407	46.373.827.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.723.686.460	6.964.078.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.712.259.784	18.641.141.482
Chi phí khác	15.695.358.145	12.588.132.054
Cộng	**193.734.678.621**	**160.870.786.292**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	1.638.834.771	622.452.745
Ông Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT	220.000.000	120.000.000
ÔngLê Xuân Thanh	Thành viên HĐQT	229.355.000	154.000.000
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	220.000.000	87.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	225.613.000	106.500.000
Các Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm		-	66.000.000
Bà Đào Thị Nga	Trưởng ban Kiểm soát	87.666.667	120.000.000
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên Ban kiểm soát	68.833.333	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban kiểm soát	68.833.333	60.000.000

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Xuân Thanh	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	30.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên Ủy ban kiểm toán	18.000.000	-
Ông Lê Tiến Thịnh	Tổng Giám đốc	1.990.367.691	1.750.777.889
Ông Ngọ Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	896.975.556	821.184.000
Cộng		**5.694.479.351**	**3.967.914.634**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cổ đông sở hữu 33,17% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần APC Holdings	Cổ đông sở hữu 28,80% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần APG ECO	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Công ty cùng cổ đông lớn
Công ty TNHH Thương mại Louis Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Cổ đông sở hữu 18,87% vốn điều lệ (đến ngày 03 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Công ty có cùng thành viên chủ chốt (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	Công ty con của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (đến ngày 18 tháng 10 năm 2025)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Lương thực Angimex		
Mua hàng	-	564.844.810
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế DK PCF		
Mua hàng	369.849.378	318.381.817
Ứng trước tiền mua hàng	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG		
Ứng trước phí dịch vụ phát hành cổ phiếu	-	1.110.000.000
Công ty Cổ phần APC Holdings		
Ứng trước tiền mua hàng	5.000.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh sản xuất: sản xuất thuốc, dược liệu.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ cho thuê tài sản, hợp tác kinh doanh.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số V.24e, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền	**Phạm Trung Kiên**
Kế toán trưởng/Người lập	**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	127.031.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(59.014.191.128)	92.365.543.234
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	6.918.953.001	6.918.953.001
Số dư cuối năm trước	**127.031.670.000**	**-**	**(320.000)**	**24.348.384.362**	**(52.095.238.127)**	**99.284.496.235**
Số dư đầu năm nay	127.031.670.000	-	(320.000)	24.348.384.362	(52.095.238.127)	99.284.496.235
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	60.250.000.000	4.203.400.000	-	-	-	64.453.400.000
Kết chuyển quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận	-	-	-	(24.348.384.362)	24.348.384.362	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	28.557.746.293	28.557.746.293
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư cuối năm nay	**187.281.670.000**	**4.203.400.000**	**(320.000)**	**-**	**10.892.528**	**191.495.642.528**

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	80.965.788.382	160.136.074.633	2.804.462.451	243.906.325.466
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***80.965.788.382***	***160.136.074.633***	***2.804.462.451***	***243.906.325.466***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.184.576.867	74.352.299.226	2.695.259.068	81.232.135.161
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(63.772.237.323)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				17.459.897.838
Doanh thu hoạt động tài chính				977.190.713
Chi phí tài chính				(5.056.685.397)
Thu nhập khác				15.384.537.957
Chi phí khác				(64.563.137)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(142.631.681)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***28.557.746.293***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	***4.608.502.505***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	***7.287.203.084***

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh sản xuất	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	85.637.336.871	129.910.874.981	2.409.545.451	217.957.757.303
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***85.637.336.871***	***129.910.874.981***	***2.409.545.451***	***217.957.757.303***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.781.285.472	57.308.772.409	2.300.342.068	64.390.399.949
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.110.263.660)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				13.280.136.289
Doanh thu hoạt động tài chính				331.278.579
Chi phí tài chính				(7.040.737.944)
Thu nhập khác				583.253.468
Chi phí khác				(234.977.391)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***6.918.953.001***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	***2.930.469.889***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	***8.379.359.579***

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng/Người lập

Phạm Trung Kiên
Chủ tịch Hội đồng quản trị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)

(Sửa đổi lần thứ XXI)

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/LĐP/2026 ngày 05/05/2026)

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 9
Điều 11. Quyền của cổ đông 9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 16. Thay đổi các quyền 16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 25
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 26
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 28
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 29
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 31
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty 31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp 32
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 33
Điều 35. Thư ký Công ty 33
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 34
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 34
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán 34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán 34
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 35
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 37
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 39
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn 39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 39
Điều 45. Phân phối lợi nhuận 39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 40
Điều 46. Tài khoản ngân hàng 40
Điều 47. Năm tài chính 40

Điều 48. Chế độ kế toán 40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 40
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 40
Điều 50. Báo cáo thường niên 41
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 41
Điều 51. Kiểm toán 41
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 41
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp 41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 41
Điều 53. Giải thể công ty 41
Điều 54. Thanh lý 41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 42
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 43
Điều 56. Điều lệ công ty 43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 43
Điều 57. Ngày hiệu lực 43

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   d) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
   f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
   h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
   i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
   j) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
   k) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
   l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
   m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
   n) *Đại biểu:* là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)**
   - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **LAM DONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
   - Tên Công ty viết tắt: **LADOPHAR**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   - Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Quyền, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
   - Điện thoại: (0263) 3824167 – 3833251 - 3817937
   - Fax: (0263) 3822369
   - E-mail: ladopharcorp@gmail.com
   - Website: http://www.ladopharcorp.com
   - Trong trường hợp có thay đổi, các thông tin nêu trên coi như được tự động cập nhật trong Điều lệ.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị: phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đối với:
   a) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn về quyết định đầu tư, dự án, kinh doanh bất động sản, các công việc phát sinh tại các công ty liên doanh/liên kết/ có vốn góp của Công ty);

b) Quản lý và điều hành trực tiếp một số hoạt động của công ty theo sự phân công của HĐQT;

c) Các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;

d) Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Thẩm quyền của Tổng Giám đốc:

a) Chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu đối với:

- Các hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, theo phân công/ ủy quyền của của Hội đồng quản trị/ Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Các nội dung khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng, tài khoản chứng khoán. Thực hiện phê duyệt, quyết định các nội dung và ký xác lập các giao dịch, tài liệu liên quan đến tài khoản thanh toán, tài khoản chứng khoán của Công ty trong phạm vi đại diện.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

6. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

7. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất thuốc tân, đông dược, thực phẩm chức năng. Mua, bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, vaccine. Nuôi trồng dược liệu. Xuất, nhập khẩu thuốc, nguyên phụ liệu làm thuốc, vật tư, máy móc thiết bị y tế và sản xuất thuốc. Dịch vụ lưu trú. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Kinh doanh các hình thức vận tải đường bộ. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét. Khai thác muối. Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí).
   (Chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Công ty được nêu trong Phụ lục đính kèm Điều lệ này).
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: huy động và sử dụng vốn có hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo chức năng và ngành nghề được cấp phép. Đồng thời nâng cao hiệu quả và tối ưu các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho ngươi lao động, lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty lớn mạnh. Trở thành nhà sản xuất và phân phối dược phẩm lớn nhất Việt Nam.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. *Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.*

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **187.281.670.000 đồng** (Bằng chữ: *Một trăm tám mươi bảy tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn Việt Nam đồng*).
2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **18.728.167 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Công ty không có cổ đông sáng lập
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy Ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ủy ban kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
   e) Gửi phiếu biểu quyết bằng *phương tiện khác* theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
   c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
   a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này’

b) Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d) Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k) Phê duyệt/ Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, tỷ lệ cụ thể như sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa 1 cá nhân hoặc tổ chức khác dự họp;

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông, từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

a) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được

lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu uyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ Tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có

trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
   c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
   d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
   a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
   c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
   f) Sửa đổi và bổ sung điều lệ.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số

ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào và bất cứ vấn đề gì khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Mục đích lấy ý kiến;
   c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h) Tổng hợp số phiếu bầu cử ứng viên (nếu có)
   i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

   Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
a) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

   Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

   Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
   e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
   f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
   g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
   h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
   i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham

gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty;

a) r)Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho

từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a) Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
   d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo phương thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, thư điện tử, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy Ban Kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

   Thành viên Ủy Ban Kiểm toán có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

    Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
   a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán;
   c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d) Tham dự các cuộc họp;
   e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
   g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng

trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo phân công/ủy quyền và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị;
   b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
   g) Tuyển dụng lao động;
   h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
   a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
   b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty gồm các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;
6. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
7. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
8. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
9. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
10. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
11. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
12. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các

giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
   c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là hợp lý, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác

theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a) Các chi phí thanh lý;
   b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c) Nợ thuế;
   d) Các khoản nợ khác của Công ty;
   e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
   a) Cổ đông với Công ty;
   b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) nhất trí thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TIẾN THỊNH

PHỤ LỤC: CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
4649 (Chính)	**Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.** ***Chi tiết: mua bán thuốc, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, thiết bị y tế.***
2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. *Chi tiết: sản xuất thuốc tân dược, đông dược.*
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: sản xuất thực phẩm chức năng.*
1101	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. *Chi tiết: sản xuất rượu, nước uống có cồn.*
1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. *Chi tiết: sản xuất nước uống có gas và không có gas.*
5520	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác
4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, vật tư thiết bị y tế.* *- Kinh doanh sinh phẩm, vaccine, hóa chất (phục vụ xét nghiệm, thí nghiệm sinh hóa, hóa học, huyết học).* *- Bán buôn các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì).*
4722	Bán lẻ thực phẩm *Chi tiết: bán lẻ thực phẩm chức năng.*
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh
4632	Bán buôn thực phẩm.
4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: kinh doanh rượu, đồ uống có cồn và không có cồn.*
4790	Hoạt động trung gian bán lẻ.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm.
4721	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản.
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
4773	Bán lẻ hàng hoá khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết: Bán lẻ bao bì, các loại hạt nhựa PP, PE, hạt tạo màu, hạt phụ gia nhựa, hạt UV; bán lẻ các loại bao bì từ plastic (bao bì container), các loại vải PP, PE, túi PE, đai PP, chạc PP và các loại phụ liệu ngành may bao bì.*

Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề kinh doanh
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:* *- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.* *- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.*
4932	Các hình thức vận tải đường bộ khác. *Chi tiết:* *- Vận tải hành khách bằng xe khách trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh.* *- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, bao gồm hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.*
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết:* - *Bán lẻ đồ uống có cồn: Bao gồm các loại rượu mạnh, rượu vang, bia và các loại đồ uống có chứa cồn khác.* *Bán lẻ đồ uống không có cồn: Gồm nước ngọt, nước khoáng, nước trái cây và các loại đồ uống nhẹ khác.*
0810	**Khái thác đá, cát, sỏi, đất sét.**
0893	**Khai thác muối.**
0899	**Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu.**
0990	**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác.**
6829	**Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng.**